
1 / 31

Hiệ n tồ ng Mao hóa thồ ng bồ che đầ y này liên hồ và giồ i thích nhồ ng đồ biồ t tồ n đồ ng tồ nhiồ u thồ kồ trong quan hồ Viồ t-Hoa, đầ a đầ n “bài hồ c Đồ ng Tiồ u Bìn h” Xuâ n Kồ Mù i (17/2-16/3/1979), cù ng tham vồ ng đầ t đầ cầ a Bồ c Kinh tồ năm 1956—lên cao đầ m trong cuồ c chiồ m đố ng quồ n đầ o Hoằ ng Sa (Paracels) vào thắ ng 1/1974 do Chu Ân Lai chồ đầ ng, rồ i đầ n cuồ c tranh chồ p Trồ ng Sa (Spratlys) tồ i biồ n Đồ ng. (2)

Ngườ n tồ liồ u chúng tôi sồ đầ ng gồ m tồ liồ u vắ khồ Mồ , Pháp, Viồ t thu thồ p hồ n 30 năm qua, kồ cồ chuyồ n tham khồ o Viồ t Nam năm 2004-2005. Hai tài liồ u vắ khồ Pháp lồ n đầ u tiên công bồ là nghiề n cầ u “Le Parti communiste chinois en Indochine du Nord” cầ a Nha Thanh Tra Chính Trồ Đồ ng Đồ ng, và “Les Communistes chinois et le Viet Minh (du Septembre 1945 à Septembre 1948) do Charles Bonfils soồ n thồ o. (3)

I. NGOỒ I GIAO NHẦ N DẦ :

Tồ khi Hồ tuyên bồ đầ cồ p vồ i Pháp chiồ u 2/9/1945 không quồ c gia nào thồ a nhồ n VNDCCH. Pháp và Bri-tên chồ coi VNDCCH nhồ mồ t “chính phồ sinh ra trong hồ n loồ n,” bồ t hồ p pháp. Đồ p cuồ i tuồ n 22-23/9/1945, liên quân Bri-tên-Pháp ép buồ c tù binh Nhồ t tham đồ cuồ c cồ p chính quyồ nồ Sài Gòn—mồ t tồ i ác chiồ n tranh [war crimes] theo công pháp quồ c tồ đầ ng thồ i—rồ i đắ ng đầ i Lâmồ y Hằ ng Chắ ng cầ a Trồ n Vắ Giằ khồ i các thằ ng thồ phầ a Nam vồ tuyồ n 16 nhồ “phiồ n loồ n.”

Mồ c dù Trùng Khắ ng ápồ c Paris và d’Argenlieu cồ đầ i đầ n ký vồ i Hồ và Vũ Hồ ng Khanh Hiồ pồ c sồ bồ 6/3/1946 tồ i Hà Nồ i, thồ a nhồ n chính phồ Liề hiồ p Khắ ng chiồ n VNDCCH là mồ t “tiồ u bang tồ do” [Etat libre] trong Liề Bang Đồ ng Đồ ng và Liề Hiồ p Pháp; rồ i, Marius Moutet và Hồ ký thề mồ c [Modus vivendi] 14/9/1946 tồ i Paris; d’Argenlieu cù ng Jean Valluy quyồ t đầ n Hồ vào tình cồ nhồ “lang thang” trong rồ ng núi. Cuồ c “tồ ng tồ n công” 19/12/1946, là thồ chồ ng đầ ng đầ ng, dù bồ đầ n đầ chồ nhồ thắ đồồ a chuồ ng bồ oồ c cách mồ ng cầ a Đồ ng CSĐĐ, và dùng làm chiề u bài [pretext] hồ u cồ t đầ t thồ ng thuyồ t, mồ đầ ng cho “mồ t chí sĩ quồ c gia” chằ chính giú p Pháp tái khô i phồ c đầ quồ c tồ n chiồ n.

Tồ năm 1946, các giáo sĩ Pháp—nhồ Tồ ng Giám Mồ c Antonin Drapier, Giám Mồ c Quồ ng Chầ Fourquet, Linh mồ c Vircondolet, Giám đầ c Hồ i truyồ n giáo Hong Kong, và Yolle—cù ng d’Argenlieu, Léon Pignon, và viề chồ c Bồ Pháp Quồ c Hồ i Ngoồ i tái khắ m phầ ra cầ u hoằ ng Bồ o Đầ i (1926-1945) đầ ng lồ u vồ ngồ Hong Kong. Cuồ i năm đồ, Caoồ y Emille Bollaert ký vồ i Bồ o Đầ i Quiồ c Hồ Long (6-7/12/1947)—mầ đầ u khoồ n quan trồ ng nhồ t là Pháp sồ tuyên bồ cồ t đầ t thồ ng thuyồ t vồ i Hồ. (4)

Sau nhiồ u thắ ng tranh luồ n, ngày 5/6/1948, Bollaert, Nguyồ n Vắ Xuâ n cù ng đầ i đầ n ba miồ n (Nghiề Xuâ n Thiồ n, Đồ ng Hồ u Chí [Bồ c], Phan Vắ Giáo, Nguyồ n Khoa Toằ n, Đìn h Xuâ n Quồ ng [Trung], và Trồ n Vắ Hồ u, Lê Vắ Hoồ ch [Nam]) gồ p nhau trên chiồ n hồ m Duguay-Trouin, “đồồ i sồ chồ ng kiồ n cầ a đầ Bồ o Đầ i.” Ra Tuyên ngồ n chung (Déclaration Commune) ba [3] đầ m; theo đồ, xác đầ nhồ: “Nồồ c Pháp long trồ ng nhồ nhồ n sồ đầ cồ p cầ a nồồ c Viồ t Nam. Tồ rằ y vồ sau, viồ c tồ do thồ c hiồ n nồ n thồ ng nhồ t quồ c gia tùy nồ i nồồ c Viồ t Nam. Vồ phồ n mìn h, nồồ c Viồ t Nam tuyên bồ chồ u gia nhồ p vào Liề Hiồ p Pháp vồ i danh nghiã mồ t quồ c gia đầ ng hồ i vồ i nồồ c Pháp.” (đầ u 1). (5)

Những chính phủ trung ương lâm thời của Xuân vô quy định. Ba kế đều có chính phủ riêng, do ba Thủ hiến của miền. Miền Thủ hiến có các đơn vị pháp lý của bên ngoài, mà cấp chính quyền bị thất bại từ các chính phủ Viên chinh Pháp. Chính phủ trung ương của có quân đội riêng, ngoài từ miền từ đoàn Ngã Lâm Quân. Từ tháng 3/1949, Quân đội QGVN miền bị thất bại thành hình. Giữa năm 1950 tổng số có 56,742 người (27,778 chính qui + 28,964 Bạo An và pháp lý). Để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ lập huấn luyện cấp chính quyền và hệ thống quan chức cấp chính quyền. Cuối năm 1950, QGVN có 300 sĩ quan, với hai Trung Tá. Những chính phủ có Bộ Tổng Tham Mưu, hay Tổng trưởng Quốc Phòng “toàn thời gian.” Cấp chính quyền đầu tiên là Pierre Nguyễn Đức, Tổng lý Văn-Võ Phòng của Bộ Nội vụ ngày 1/6/1950. Ngày 1/10/1951, Quân đội QGVN chính thức thành lập. Năm 1951 lập chính quyền 4 Sứ đoàn: SĐ 1 miền Nam; SĐ 2 Trung Việt; SĐ 3 Bắc; và SĐ 4 vùng Cao Nguyên. Dồn lên tới 8 Sứ đoàn năm 1955. (6) Từ tháng 10/1950, Pháp cũng tiến hành việc sát nhập 75,000 người Ki-tô vào QĐQG do Miền tài trợ, nhằm lợi ích của Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Thúc và Phạm Ngọc Chi. (7)

Đầu khi Pháp khó chịu nhất là phe Việt Nam cộng sản—mà người máy tuyên truyền của khi Cộng sản nguy hiểm là “nguy,” “tay sai Pháp”—không ngừng đòi hỏi để lập và thành lập lãnh thổ. Trên cơ sở pháp lý, hệ thống nhân quyền ngừng gì Hồ và Đảng CSĐD (lúc này đã giải tán, hay “rút vào bí mật” như Hồ từ chối minh chứng năm sau) đã thất bại. Ngày 8/3/1949, chính phủ pháp lý của Miền và nhất là do viên chức địa phương của chính quyền CSTH, “Hiệp ước Elysée” ra đời. Ba ngày sau, 11/3, Paul Coste-Floret viên chức Quốc Hội Pháp chấp nhận cho Nam Kỳ sát nhập vào Việt Nam—đưa trên Điều khoản 75 của Hiến pháp 1946: Một phần lãnh thổ của Cộng hòa Pháp hoặc Liên Hiệp Pháp có thể bị mất đi, do một Luật của Quốc Hội, sau khi đã tham khảo với Hội nghị địa phương và Hội đồng Liên Hiệp Pháp. Như thế, theo Điều 27 của Hiến pháp, không cần phải trưng cầu dân ý (referendum), mà chỉ cần biểu quyết của một Hội đồng Lãnh thổ Nam Kỳ (Assemblée Territoriale de Cochinchine, HĐLTNK), với sự chấp thuận của Thượng viện Liên Hiệp Pháp [Haut Conseil de l'Union Française]. Viên chức Pháp cũng giữ kín nội dung “Hiệp ước Elysée” cho tới ngày Bộ Nội vụ nước, đổ vỡ vào 25/4/1949 để có một “kích xúc tâm lý” (choc psychologique). (8)

Ngày 24/4/1949—sau khi Hội đồng LTNK đồng ý tái nhập Nam Kỳ vào Việt Nam—Bộ Nội vụ Paris hội họp. Từ Singapore với Sài Gòn ngày 26/4, Bộ Nội vụ lên thành Đà Lạt, dù từ sự chính phủ trung ương đặt tại Hà Nội. Hơn một tháng sau, ngày 18/6, Paris công bố Pháp biến các điều khoản của thu nhập của hiệp ước, và đầu tháng 7/1949, chính phủ Quốc gia Việt Nam [QGVN] ra đời với Bộ Nội vụ làm Quốc trưởng, Xuân làm Phó Thủ tướng. Những Bộ Nội vụ thực sự cai trị với viên chức xã Đà Lạt. “Hoàng triều chính quyền” bao gồm Cao nguyên Trung Việt, cùng các khu vực dành cho các tộc Thái, Mường, H'Mong (Mèo), Nùng, và khu Ki-tô giáo Phát Diệm do các sĩ quan trực trị. Sài Gòn, Huế, Hà Nội và Hội Phòng với do quân Liên Hiệp Pháp cai trị, qua các viên chức hành chính Việt đang tiến hành thành QGVN. Trên phương diện ngoại giao, hai chính quyền quốc gia Miền, Bri-tên và các nước Đông Nam Á cộng đồng thay thế của các viên chức liên hệ.

Phần lớn viên chức trung ương “nước còn tất cả các viên chức.” Tháng 2/1947, Trần Ngọc Ranh gửi cho Bộ Ngoại vụ Pháp thỉnh nguyện hòa của Hồ, kèm theo tài liệu qui trách cho viên chức Pháp với chính quyền VN. Ngày 20/2/1947—sau khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Hà Nội ra Phúc Yên, và HCM rời Hà Đông qua Sông Tây sông che chắn của dòng người tiến công mà Hồ đẩy đưa qua khu vực “tiên công cũng là kháng chiến”—Hồ nhận được tin Hồ ng Thập tự quốc chuyển cho Lãnh sự Bri-tên một thỉnh nguyện hòa. Đài phát thanh VM được thành lập bởi Thủ tướng Paul Ramadier

và BT Hồ i Ngô i Moutet, kêu gọi thống nhất. Theo Hồ, mục tiêu của dân Việt Nam là độc lập và thống nhất trong Liên Hiệp Pháp, và hòa tôn trọng quy luật kinh tế và văn hoá của Pháp tại Việt Nam. (9) Đồng thời phát thanh th ngày 19/2/1947 của Thủ tướng Ngô i Giao Hoàng Minh Giám, mời Lãnh sự Mỹ, Bri-tên, Trung Hoa và India cùng đại diện Hội đồng Thập Tự tham dự buổi gặp mặt ngày 21/2/1947.

Ngày 12/4/1947, Phạm Ngọc Thạch—nhân chuyến đi Hong Kong thuyết phục Bộ Ngoại giao cho biết—gặp với cho Đại sứ Edwin F. Stanton tại Bangkok. Một lá thư khác, ngày 13/4/1947 của Thạch, gửi Tổng thống Douglas MacArthur, liên quan đến số vàng trị giá 37,498,000 Mỹ kim do Nhật gửi. Thạch tiếp xúc đồng c Trung tá William Law của Tòa Đại sứ Mỹ. khi ghé qua Bangkok. (10)

Hồ còn bí mật gặp Paul Mus tại Thái Nguyên tại 11/5/1947 để nghe điều kiện để hàng của Cao ủy Emille Bollaert, rời khỏi gặp với sứ giả qua Thái Lan tiếp xúc Mỹ, và Đại sứ Pháp.

Hồ cũng tìm thời cơ bày tỏ thái độ với Bộ Ngoại, dù Bộ Ngoại chuyến đến sang lập trình chung Cộng. Tại ngày 17/2/1947, những người ủng hộ Bộ Ngoại đã thành lập tại Nam Kinh Mặt Trận Quốc Gia Thống nhất Toàn Quốc “ngõ hươu đất tại lý tưởng tại cao . . . tranh thủ Độc lập và Thống nhất quốc gia, công cộng chánh thể Cộng hòa dân chủ, thực thi chế độ dân chủ chân chánh.” (Bản ký kết thành lập MTQGTNTQ; 10H xxx). Quy tắc Việt Nam Cách Mạng Minh Hối (Nguyễn Hối Thôn), Việt Nam Quốc Dân Đảng (Nguyễn Tổng Tam), Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (Nguyễn Hoàn Bích), Việt Nam Quốc Gia Thanh Niên Đoàn (Trần Côn tực Văn Tuyên), và Đoàn Thanh Dân Chúng (Lưu Đức Trung tực Lưu Bá Đức). Một Trần c Thôn, Tam, Bích và Côn xu hướng Hong-Kong gặp Vĩnh Thụy. Hơn một tháng sau, trong cuộc họp báo tại Hong Kong ngày 29/3, Bộ Ngoại tuyên bố chính phủ HCM không thể khả năng đại diện Việt Nam; và, Bộ Ngoại chỉ định Việt Minh. Tại buổi họp báo này, phái đoàn tài liệu Mặt Trận Thống nhất Quốc Gia Việt Nam [Front d'Union Nationale du Viet-Nam], danh hiệu mới của MTQGTNTQ mở rộng—mới thêm đồng c các tổ chức miền nam và trung như Việt Nam Quốc Gia Đảng Lưu Đức Đảng (Nguyễn Văn Sâm), Cao Đài (Phạm Công Túc), và Liên Đoàn Công Giáo (Trần Văn Lý-Ngô Đình Diêm). Mục tiêu của Mặt Trận mở rộng hơn, tức “thống nhất mới tổ chức cách mạng, đồng phái chính trị, đoàn thể tôn giáo và xã hội để đấu tranh giành độc lập và thống nhất lãnh thổ, công cộng chế độ công hoà, dân chủ, hợp tác toàn diện với tất cả các quốc gia trên thế giới trên căn bản công bằng và tự do để văn hoá trị thế giới.” Với Việt Nam, Mặt Trận không đơn thuần cuộc kháng chiến hơn một năm qua không phải là công trình của một đồng nào, mà là của toàn dân. Chính phủ HCM không còn đồng c nhân dân tin tưởng và đã một vị thế trên thế giới trong cuộc tranh đấu giành độc lập. Bởi vậy, Mặt Trận ủng hộ cựu hoàng Bộ Ngoại Nguyễn Vĩnh Thụy để thành lập mặt chính phủ dân chủ thực sự. (11)

Mãi tại ngày 27/4/1949, khi nước đã cạn, người lã “thánh chiến chế Cộng” ngày càng bị c mạnh, và Mao đã chỉ m Bắc Kinh, Hồ mới lên án thể hình Bộ Ngoại, rời công khai chế độ “độc quyền đểu x Mỹ.” Đồng thời xiết chặt quan hệ với Đảng CSTH—qua những cuộc hành quân hơn hai triệu tiêu diệt và ngăn chặn tàn binh Tội ác tràn vào Bắc Việt, hay đánh phá Thập Tự Vĩn Đại Sĩ, ném sát biên giới Quốc Tây-Cao Bằng. (12)

Tài liệu CSTH và CSVN mới giới thiệu giúp khởng định điều mà quân báo Pháp và Tây Phương ng biết từ lâu: Liên hệ giữa hai đồng CSTH và CSVN đã khởi đầu từ năm 1945-1946 qua mạng

tình báo Trung Hoa hời ngoi i Bangkok và Phnom Penh với các i n m vùng Hoa ki u Ch n, H i Phòng và Hà N i. (13)

Đ ng CSTH–b đ t ra ngoài vòng pháp lu t t i Đông Đ ng t năm 1939–b t đ u tái ho t đ ng sau ngày Nh t đ u hàng. Tháng 8/1945, xu t b n t Vi t Nam Báo Ch L n, nh ng b đ ng c a. Tháng 9/1945, CSTH thành l p m t y ban Đ ng h i ngoi i t i Nam Đông Đ ng, chỉ nhánh c a y Ban Ch p Hành H i Ngoi i ph trách Thái Lan, India, Indonesia, Mi n Đ i n [Myanmar], Malaya và Đông Đ ng, v i tr s đ t t i Bangkok (Thái Lan). C quan này liên h tr c ti p v i Yen an [Diên An]. T tháng 3/1946–sau khi c Liên Bang M và Liên Xô Nga đ ng ra hòa gi i gi a T ng và Mao, đ a đ n vi c ký ba [3] t m c vào tháng 1/1946 (đình chi n, chính tr và hi n pháp, tái t ch c quân đ i)–cán b CSTH tái hi n i mi n Nam vĩ tuy n 16. R i truy n đ n đ kích chính sách c a Qu c Dân Đ ng TH. Nam Ki u H c Hi u t i Ch L n có nhi u ho t đ ng nh t. Vi t Nam Nh t Báo cũng tái b n, nh ng gi ng đ i u ôn hòa h n. Ngày l lao đ ng 1/5/1946, ho t đ ng Sà i Gòn–Ch L n và Pnom Penh gia tăng. Nhi u cán b quá khích t Bangkok, n i đ t tr s Ban Ch Huy Các N c Đông Nam Á, đ n Sà i Gòn và Pnom Penh. Đ ng CSTH cũng thành l p m t tr m liên l c Pnom Penh, vì đây là m t đ a đ i m an toàn, ngoài s ki m soát c a Tòa Lãnh s THDQD t i Sà i Gòn. N ng đã th ng l i c a quân đ i Diên An, cán b CSTH tăng gia ho t đ ng trong các nghi p đoàn t i Nam K và Kampuchea.

Đ ng viên CSTH ho t đ ng m nh nh t trong gi i h c sinh. Hi u tr ng tr ng tr ng Nam Ki u, V ng Quan Nh t, là m t cán b c p lãnh đ o. Chen Lee, qu n lý Vi t Nam Nh t Báo, t ng hu n luy n i Diên An, gi ch c T ng th ký. Nh ng phóng viên h i ngoi i đ u là CS, thu c hã ng thông t n Kuo Tsi i Hong Kong, Hua Shiang Pao [Hoa Th ng Báo] i Hong Kong, và hã ng TASS c a Nga. Sau lo t bài t n công T ng Gi i Th ch trên Vi t Nam Nh t Báo, T ng Lãnh s TH can thi p, khi n Pháp đ ng c a báo ngày 23/11/1946. Chen Lee còn b tr c xu t vì thái đ bài Pháp. Ch bút Quách T ng Bình, giáo s tr ng Nam Ki u, bèn xin ra báo Vi t Nam nh ng không đ c ch p thu n; nên in l i t nh t báo CS Yen Sha c a Pnom Penh t i Ch L n. Các biên t p khác hình nh qui t t i tu n báo Toàn Dân i Cây Mai, Ch L n. Nhóm ch huy văn phòng liên l c Pnom Penh g m Tr ng Quan Hao, L ng Kiên, Trác Di u Xô, Tô Đ i Hun, Đ ng T t Toan. C quan ngôn lu n là Hi n Th c Nh t Báo. Môi tr ng ho t đ ng chính là gi i công nhân và h c sinh. Theo tài li u TC, m t cán b CSTH n m vùng là Tr ng Đ c, sinh i Nam Vi t, t ng ho t đ ng i Diên An. Năm 1938, vì b nh ph i, tr l i Sà i Gòn. Ch nhi m T ng h i Liên Hi p Gi i Phóng Hoa Ki u. Giao du thân v i Lê Du n, Lê Đ c Th . Năm 1951, đ c V ng Gia T ng g i v n n c, làm vi c trong Ban Liên L c Trung ng Đ ng CSTH (Tình báo h i ngoi i). Thông đ ch chính c a HCM t năm 1951. Sau này tham gia H i ngh Geneva trong “t Vi t Nam” c a Chu Ân Lai. (14)

T i mi n B c, t mùa Thu 1945, H ti p ki n cán b CSTH i Phòng và Hà N i ngay trong Ph Ch t ch. Cán b CSTH có m t i Phòng t tháng 2/1946. Vì quân THDQ đang chi m đ ng mi n B c, cán b CSTH ho t đ ng bí m t. H đ n t Bangkok qua ng Lào. Cũng vào th i gian này, các đ n v du kích Qu ng Tây và Qu ng Đông, đã xâm nh p B c Vi t t Th chi n th hai (1939-1945), công khai ch ng l i Đ t Ph ng Di n quân c a Tr ng Phát Khuê. B S đoàn 156 đánh đ u i kh i Hoa Nam, các đ n v trên phân tán vào Đình L p và Móng Cái. M t s đ c Vi t Minh thu đ ng; s khác phân tán vào dân chúng t i Qu ng Yên, Hòn Gai và Móng Cái.

Giữa tháng 5/1946, Ủy Ban Bangkok gửi qua Hà Nội một đoàn đi biểu u. Có mặt là Ken Ky, Ủy viên BCH Bangkok. Hai ngày sau, 17/5, Lou Hing, một cán bộ BCH Trùng Khánh cũng tới Hà Nội, với một phóng viên Tân Hoa xã. Lou Hing giới thiệu nhóm Ken Ky với HCM và BCHTW Đảng CSDD [họ tên đảng viên tên Hồ Nghiễn Ủy Ban Nghĩa Mã Khố T] [HNC/CNMKT]. Ngày 25/5/1946, Lou Hing rời Hà Nội qua Bangkok.

Từ tháng 7/1946, có hai nhóm CSTH tới Bắc Việt. Một đến văn phòng ở Hà Nội và Hội Phòng, trực thuộc Ban Liên lạc thông tin với chính phủ HCM, gồm Yu Te Ming, cán viên tới Bắc Việt; Tchao Yi Pe và Tchang Siao Po, cán viên tới Bắc Giáo Dân; Tchang Pan và Lam Lin Ping, cán viên Bắc giao thông. Tchang Yi Ping và William Lu hợp tác với tuấn báo Tân Việt Nam của Đảng Thái Mai. Một HNC/CNMKT Hoa-Việt cũng được thành lập để nghiên cứu tình hình Hoa-Việt do phe Tồn tại lập nên, với các đảng viên VNQDD và Việt Cách. (15)

Đầu vậy, Dalburo ở Thủ đô Hà Nội-chỉ nhánh phụ trách Nam Á Châu của Ban Phòng Đông QTCS, do có quan hệ báo Nga [Intercenter hay Mainburo] tài trợ—không hài lòng với các Hội giới tán Đảng CSDD năm 1945, và từng lên án Hồ là phản bội. (16)

Tháng 11/1946, sau một buổi họp ở Hội Phòng, cán bộ CSTH và Đảng Dân Chủ Thủ đô Nhặt TH (PDU) gửi thư ngỏ cho HCM, tuyên bố theo đuổi những đường lối sau: Phấn đấu xóa tàn ác của Pháp tới Nam Việt; Phấn đấu những mưu toan chia rẽ phân; ủng hộ chính phủ VNDCCCH; Không nhìn nhận chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thỉnh [Ủy Ban Hòa Nam Kố T] do Pháp lập nên (từ ngày 2/6/1946); Phấn đấu vì các không thể thi nghiệm chính Hiệp ước 6/3/1946 và Tạm ước [Modus vivendi] Paris ngày 14/9/1946.

Sau khi Việt Minh từng công đêm 19/12/1946, tiếp viên tới TH cho VM phản ứng là kinh tế. VM dùng quặng thiếc (étain), thu được phiến và tiến hành mua vũ khí từ Hoa Nam khá dễ dàng. Tháng 1/1947, đi đến HCM là Nguyễn Đức Thọ y thảo luận qua Hoa Nam mua khí giới, đến được. Thọ y và thu được không gặp khó khăn gì từ phía Trường Phát Khuê. Những kho tàng tích trữ được trong chiến dịch Thu Đông 1947 (Léa-Ceinture) không đến đây. (17)

Đảng CSTH cũng tiếp xúc VM với chính trị và quân sự. Diệp Kim Anh hay “đảng chí lực,” (theo một tài liệu Việt) có mặt để một phái đoàn quân sự CSTH có mặt tới Hà Nội vào thảo luận tháng 12/1946 và sau đó theo Bộ Tổng Tư lệnh Việt Minh lên Tuyên Quang. Ngày 18/6/1947, cán bộ CSVN và CSTH hội thảo tại Tuyên Quang, cho phép bỏ đi Hội đồng quân TH vào lãnh thổ Bắc Việt qua ngã Cao Bằng, trực xuất phần từ thân THDQ khỏi vùng VM kiểm soát, huấn luyện quân sự cho thanh niên TH chưa đăng ký, v.. v... Tháng 7/1947, các đơn biên giới của Pháp ghi nhận kho quặng 270 bệ đi TC với biên, lập thành đoàn du kích Trung Hoa tại Tuyên Quang. Tháng 8/1947, Ken Ky cũng chỉ huy kho quặng 400 bệ đi Trung Cộng với biên vào khu vực Thủ Khê (phía Bắc Trùng Khánh của tỉnh Lạng Sơn) và Cao Bằng (trên sông Khu Quên Đèo hay Tiểu Khu thứ 2) sát biên giới Quặng Tây. Thủ Khê là một trấn nhỏ nhất của tỉnh, có đường thông tới của thị Thủ Khê (Long Châu, Quặng Tây).

Ngày 12/6/1947, báo Thái Bình Dân đăng báo Hán ngữ ở Hà Nội trích dẫn báo cáo của Tòa Lãnh sự TH với sự hiện diện trong khu vực VM kiểm soát một thành viên CSTH, dấy danh hiệu “Ủy ban Tiếp xúc Hoa kiều trong thời chiến tranh tại Việt Nam.”

Thời gian này, Hà Nội còn duy trì liên hệ với Tổng lãnh sự Hà Nội. Tổng lãnh sự Hà Nội Yuen Tsi-kai từng giúp Việt Quốc Quân an toàn rút khỏi Hà Nội, và đồng nghiệp hai chính phủ THDQ cùng Liên Bang Mỹ đồng ý ra hòa giải.

Ngoài ra có khoảng 4,000-5,000 tù viên, chia làm 15 đơn vị. CSTH còn mở một trường học. Theo nhân chứng, Lý Ban [Lý Bích Sơn?], một Hoa kiều, cán bộ trung ương Đảng CSTH phụ trách Một triệu Hoa viên trong An Toàn Khu (Thái Nguyên-Tuyên Quang). Lý Ban còn phụ tá Lê Giản phát đồng phong trào “đốt đống cỏ” tức nhốt toán tàn quân THDQ hay bắt kích, gián điệp biên giới Hoa-Việt. (18) Cuối năm 1947, nhốt đơn vị CSTH lại hoạt động hủu như tù do vùng biên giới, và quân Tề ng-vũ 1,000 binh sĩ trú đóng theo 500 cây sồi biên giới-khó kiểm soát hay ngăn chặn.

Qua năm 1948, nhiều buổi họp ở quân sự giữa Việt Minh và TC diễn ra ngày 21/1 và 5/2/1948 tại Bỉ Nhi và Na Noi. Sau đó, bộ đội Việt Minh tham gia các trận đánh ở Lung Ping (26/2/1948), Pho Cap (7/3/1948), Long Ping, gần Long Châu (8/3/1948), Nà Lý (5/4/1958), Hai Yuen (9/4/1948), v.. v... Tình báo Pháp cũng ghi nhận việc tập trung quân VM và TC tại Thủ Đức và Sơn.

Tháng cuối 1947, đầu 1948, giao tình giữa Việt Minh và viên chức THDQ xấu đi. Tháng 11/1947, Nguyễn Đức Thọ bị bắt và chuyển đến phòng thích ít tháng sau với sự tiến hành của. Viên chức THDQ cũng bắt giữ một phái đoàn thanh tra của VM và đưa đến cho Pháp vào cuối tháng 4/1948. Lê Văn Hiến (1904-1997), cựu Bộ trưởng Tài chính và rồi Đại sứ tại Lào, ghi trong Nhật Ký rằng từ năm 1947 với sự liên hệ với cả hai phe Trung Hoa. Nguyễn Long Bông (Cù Vân) qua lại Trung Hoa nhiều lần mua vũ khí, đạn dược, trang bị quân đội Đông Dương, vàng bạc, thuốc phiện, cùng quặng molybdenum, thiếc, kẽm, galène, antimoine [mangan Thi]. Hiến cũng nhiều lần một lần gặp và tiếp xúc với quân CSTH tại vùng Lào Cai-Tuyên Quang. (19)

Tài liệu Việt và Trung Cộng sau này đều xác nhận sự có mặt của lực lượng vũ trang Trung Cộng tại vùng Việt Minh kiểm soát. Theo tài liệu Trung Cộng từ năm 1946, Hà Nội đã giúp các đơn vị TC và Quân Đông chủ sang Bắc Việt từ năm. Tháng 3/1946, khoảng 1,000 quân thuộc Trung đoàn 1 Quân Đông vượt biên giới qua Bắc Việt. Họ cung cấp thuốc phiện và thuốc men. Họ cũng yêu cầu CSTH cho đơn vị trên huấn luyện một số cán bộ Việt Minh. Tháng 6/1946, văn phòng CSTH tại Hồng Kông gửi Zhou Nan [Chu Nam?] qua Hà Nội làm liên lạc viên bên cạnh Đảng CSĐD. Đồng nghiệp của Hoàng Văn Hoan, Trưởng ban Liên lạc, Zhou Nan cho lệnh cán bộ Trung đoàn 1 huấn luyện cho Việt Minh ở Thái Nguyên, và hoạt động quân báo tại Hà Nội. Từ tháng 7/1947, tăng số trên 830 sĩ quan và binh sĩ VM được huấn luyện. Tháng 8/1949, Trung đoàn 1 mới trở lại Quân Đông. Điều này giải thích Đảng CSTH và Việt Minh thiết lập từ mùa Xuân 1947. Ngày 13/1/1950, Phó Chủ tịch Đảng CSTH Lưu Thiệu Kỳ còn nhắc đến việc này. Như theo Võ Nguyên Giáp, từ năm 1947, Việt Minh mở bắt đầu liên lạc với Đại tá Quân TC tại Hoa Nam và Bộ Tổng chỉ huy Quân sự Biên giới Miền Bắc (Vân Nam-Quận Tây). Năm 1948, Chu Ân Lai sai Trang Đình và Lưu Gián qua gặp Hà Nội, dẫn xấp cho Trung đoàn 1 Quân Đông đi từ qua thanh du Việt Nam để tránh cuộc thanh trừng của Tề ng Gián Thủ ch. Tháng 3/1948, một số đơn vị của Trung đoàn này vào lãnh thổ Việt. (20)

Dù có sự khác biệt tại hai năm với thời gian quân Trung Cộng hiện diện trong lãnh thổ Việt Nam qua lại chỉ các viên chức Hoa-Việt, có thể rằng hai bên liên hệ khá chặt chẽ, ít nhất là

mác đá đáa pháng.

Liên há hai bên gia tăng theo mác Nam tiến của Háng quân Trung Cáng. Tháng 4/1949, giáa lúc Bách Sùng Hy và Lâm Báu đái chián ở Hà Kháu (giáp ranh Lào Cai), Há sai Lê Quáng Ba (Đám Văn Máng, 1915-1988), Tá lánh Lián khu Viát Bác, và Chu Huy Mán (Chu Văn Đáu, 1913-2006), v... v.... chá huy mát đán vá qua Tháp Ván Đái Sán phá giúp Háng quân TH. Sau khi Mao tuyên bá thành láp CHND Trung Hoa (ngày 1/10/1949), lánh đáo VNDCCáH không ngát bàn tán vá tình thá và thái cá mái. Cá quan ngán luán Viát Minh công khai loan tin vá chián tháng của Đáng CáTH. Ngày 12/12/1949, báo Cáu Quác đáng cá danh sách Ban cháp hành Trung áng Đáng CáTH, đá đác báu ra ngày 24/9/1949. (21)

Trong khi đá, tá tháng 12/1947, Công An Viát Minh bát giá mát sá ngáoi Hoa ở vùng Đám Háng, Chiám Hóa—cách Tuyên Quang hán 60 cây sá—vá tái đá chá đám cho quân Pháp các kho tàng của Viát Minh. Ngoài ra, đá sá sáng báng nghá buôn thuác phián láu—vá phám đác quyán của chính phá Há.(22)

Tá khi chính phá lâm thái trung áng của Nguyán Văn Xuân thành láp ở Hà Nái tháng 6/1948, Há ngày càng ngá vá háng tân Quác Tá Cáng Sán (Cominform). Nhiáu nhán vát quan tráng ng VM và CáTH đái lái, xuát hián ở Hoa Nam, Nam Ninh, Quáng Châu và Hong Kong. Cuái tháng 6/1948, công tác đái Hoa Kiáu ở Đám Đáng Tuyên Quang, do mát ná cán bá CS đái u khián. Ngáoi cá má đáu công tác Hoa ván là Lý Ban, sau này lên chác Thá tráng Kinh tá ; gáp công vào ká hoách Cái Cách Ruáng Đát trong tháp niên 1950, rái bá thanh tráng năm 1979. (23)

Năm 1949 đánh đáu mát khúc quanh mái trong liên há Viát Minh và CáTH. Mát mát, Mao và Háng quân đang tháng lán, tiến vào Bác Kinh tháng 2/1949; Táng tá chác, cháy sang Đái Loan. Mát khác, đá iá áp lác Má, Pháp khái đáu thí nghiám Báo Đái. Trong khi khái Kominform [Ban Thông Tin Quác Tá, gám 9 đáng CS Âu châu thành láp tháng 9/1947] nái tiáp nhau nhìn nhán chá đá Mao, chá riêng Há thái đá cháa rõ ràng. Sá chám trá này khián có suy luán ráng Há nuôi mát tâm ý khác. Thác ra, Há tám thái theo chính sách “ngoái giao nhán dân” hán ngoái giao chính thác, vá cháa tiến thác thác khái “tráng” (Má và tá bán). Mát tài liáu TC ghi tháng 10/1949, HCM sai Lý Ban và Nguyán Đác Tháy mang thá sang Bác Kinh. Đác Mao hái âm vào há tuán tháng 11/1949, Há lián cá mát phái đoàn phá ná đi thăm Trung Cáng. Đáng thái, đích thân Há chuán bá bí mát qua Bác Kinh. (24)

Sau khi bá gáy chián đách mùa Thu 1947 của Pháp, Háng hán theo Cáng Sán. Ngày 6/1/1948, Há tá chác lá ká niám 18 năm thành láp Đáng CSáĐ. Ngày 15/1, Há đá cá Stalin, Mao và Maurice Thorez chá táa danh đá Hái nghá trung áng má ráng. Trong báo cáo chính trá, Tráng Chinh có vá thuán tháo lý luán “hai phe” của Andrei Zhdanov—Nga cá má đáu “Dân chá cháng đá quác,” cháng lái phe “đá quác phán dân chá” Má-Pháp phán đáng. Hái nghá cũng nghá quyát sá triáu táp Hái nghá Toàn quác vào khoáng tháng 6/1948 đá sáa lái đáu lá Hái NC/CNMKT và báu Ban Cháp áy trung áng mái. Tuy nhiên, trong hàng ngũ Bá tráng ván có ngáoi muán ngá theo Má, ngáoi thì sá Má và thân Má. Riêng Võ Giáp cháng Má.(26)

Viát Minh còn khoa tráng đang chuyán tá “phòng ngá” qua “cá má.” Đá cháng lái vá cá Pháp tiáp tác cần quét; láp chính phá bù nhìn Báo Đái, dùng ngáoi Viát hái ngáoi Viát, sá đáng công giáo và thiáu sá (Thái tá trá, Nùng tá trá, .. v...) Nghá quyát phân tán các đán vá chá lác, thành

lập các đội di động lập, tiểu đoàn tập trung, và đẩy mạnh hoạt động võ trang tuyên truyền. (27)

Đội này, nhiều cán bộ Nam, Trung và ngoài quốc gia gia nhập Việt Bắc. Tuy nhiên, sau Hội nghị cán bộ lớn tháng 5 họp từ 8 đến 16/8/1948, Hội NC/CNMKT vẫn giữ nguyên danh hiệu, vì chưa đúng thời cơ để ra công khai: Theo Lê Đức Thọ, bên ngoài phải động quốc tế; bên trong, mặt trận Việt Minh và Liên Việt sẽ bị chia rẽ, mặt phải sẽ suy yếu, địa chủ, Ki-tô giáo sẽ hoang mang, bên phải động sẽ thúc đẩy bán xe. Bởi thế, Thọ cho các cán bộ trong khi tuyên truyền, có thể nói động CS vẫn hoạt động, nhưng tránh tuyên truyền quá trên thị trường Ki-tô giáo và địa chủ. (28)

Phạm Mao và cộng sự viên có những lý do riêng để tuyên bố H vào cuộc thánh chiến nhằm giải là “Đông Phương Hồng.” Việt Nam án ngữ tuyên phòng thủ Đông Nam của Trung Hoa-những gần 200,000 quân viễn chinh Pháp đang có mặt. Hàng chục ngàn tàn quân T cũng đã chuyển sang Đông Dương từ năm, và rất rắc rối Hoa Nam. Ngoài ra, đội của Mao-và ngay cả Tôn Đức Tiên hay mặt sự chính khách quen thuộc với những bài số lập động hay tiểu h-c-Việt Nam, và cả Đông Nam Á đều là chủ h đã bị thúc đẩy dân cộng sản, cần khôi phục vào bên Đông Hoa h. H cũng động hoạt động cho QTCS ở Trung Hoa nhiều năm, giúp đỡ nhiều lãnh đạo CSTH, kể cả Mao, Ân Lai, Kiêm Anh, v.. v.. Giúp đỡ H, bởi thế, đôi bên đều hững hờ. H và Động CSVN sẽ lập tiến tuyên bố ở Trung Hoa, động thời cũng là mũi tiên phong xuất cộng chủ nghĩa Mao-trong cuộc nam tiến bất khả cưỡng chống trở lại sự ép nhân mãn nội địa và nhu cầu thực phẩm cùng tài nguyên thô-ngoại trừ thực phẩm, như Mao đã xác định ngày 18/11/1957, có mặt cuộc chiến nguyên tử, tiêu diệt bất cứ nhân loại, sẽ còn lại sự tiêu diệt động quốc, xây dựng mặt thế giới XHCN mới. Nhân dân TH chưa hoàn tất cuộc kiến thiết, nhưng nếu thúc đẩy dân mưu sinh gây chiến, TH sẽ đánh đến cùng, trở lại khi tái thiết. (29)

Tuy nhiên, Mao tạm thời duy trì chính sách “ngoại giao nhân dân,” tức bí mật nội bộ quan hệ giữa hai Động CS, hạn chế tiếp xúc quan hệ giữa hai chính phủ. Đội di động Động CSĐD được mời tham dự Hội nghị Công đoàn Thanh niên mới Thế Giới ở Bắc Kinh trong tháng 11-12/1949. Tại Hội nghị này, Thiệu K h đã giúp đỡ các phong trào cách mạng, giới phóng động nước tại Á Châu. Phát biểu sau Thiệu K, đội di động H tuyên bố kinh nghiệm và mưu mẹo cách mạng giới phóng Trung Cộng là “kim ngọc nam” cho Việt Nam. (30)

Trong thời gian qua Liên Xô đưa động bộ nh từ 6/12/1949 cho đến ngày 17/2/1950, động thời thực động thuyết Hiệp ước h u nghị Nga-Hoa mới (14/2/1950), Mao tạm ý mưu công nhận chủ động H, nhưng Stalin sẽ rằng chủ gây thêm khó khăn, cô lập cho VNDCCH. Cùng, Stalin những động bộ, động ý cho Mao công nhận H trước, Moksva [Mat-sc-và] và Kominform sẽ theo sau.

Chính sách ngoại giao chung của Mao thời gian này tóm gọn trong cuộc nói chuyện với Ngoại trưởng Molotov và Đội sự A.Y Vyshinsky ngày 17/1/1950. Mao tiết lộ ba ngày trước Bắc Kinh đã ép đội di động M rằng Bắc Kinh bằng cách đòi lãnh sự M hoàn toàn những dinh thự dành cho quân đội ngoại quốc trú đóng do những hòa ước bất bình động cũ. Lãnh sự M đe dọa là có thể sẽ rút hết nhân viên ngoại giao M ở Bắc Kinh, Thiên Tân, Thanh Hải, Nam Kinh. Mao cảm thấy rõ ràng, nói là M đang dọa làm những gì Mao mong muốn. [In response, the American consul in Beijing started threatening the Chinese government that USA, as a sign of protest, will be forced to recall all of their consular representatives from Beijing, Tientsin, Shanghai, and Nanking. This

way, said Mao Zedong in a half-joking manner, the Americans are threatening us with exactly that which we are trying to accomplish]. Mao quyết định hoãn thời gian bang giao với Mỹ càng lâu càng tốt để nước ta có thời gian. [We need to win time, emphasized Mao Zedong, to put the country in order, which is why we are trying to postpone the hour of recognition by the USA. The later the Americans receive legal rights in China, the better it is for the People's Republic of China]. Mao cũng nói trong ít ngày trước khi nước ta thăm dò lập trường của Bắc Kinh về bang giao. Người cộng sản đưa một hướng thông tin Mỹ về Pháp thông điệp câu hỏi Mao nghĩ gì về một cuộc tiếp xúc với các sĩ Philip C. Jessup, chuyên viên về Viễn Đông. (31)

II. BẮC KINH CÔNG NHẬN VNDCCH:

Ngày 24/12/1949, Thủ tướng Chính phủ bàn việc thiết lập quan hệ với VNDCCH. Nghị quyết là bang giao với Hồ trước khi Pháp nhìn nhận CHNDTH sẽ có lợi hơn hại. Bốn ngày sau, 28/12, Thủ tướng gửi điện văn cho Hồ, nguyện ý mua bang giao. Thủ tướng khuyên Hồ chờ đợi ngai bày tỏ ý kiến của mình thì tiếp xúc ngoại giao với các nước ngoài, Bắc Kinh sẽ gửi điện đi nhận qua Việt Nam và để lợi ích Hồ gửi một phái đoàn qua thảo luận về cuộc chiến đấu chung chống đế quốc [the common struggle against imperialism]. (32)

Công điện ngày 28/12/1949 của Lưu Thủ tướng đến với Hồ nước cộng sản mà gia ngày ngày nhận.

Hồ đang lúng túng, tuy nhiên trong trường hợp này công toàn diện của Pháp trên cả ba phương diện quân sự, chính trị và kinh tế, trong khi các công việc quay mặt làm ngược. Thực trạng an toàn khu [ATK] và “châu thổ” (huyện Sơn Động, Tuyên Quang) ngày một khó khăn. Lãnh thổ kiểm soát ngày một thu hẹp. Áp lực quân sự Pháp gia tăng. Thu nhập bị giảm sút. Kinh tế suy thoái. Lê Văn Hiến chờ tiếp xúc in tin không báo công-hay dùng sức mạnh xuất nhân dân làm báo và-khiến lập phát gia tăng như họ tin. Tháng 8/1950, trên đường về căn cứ, Hiến phải trả hai chục [20] đồng để mua một quần áo và Văn Lăng, ăn lấy sức lên đèo Kh. T. Năm 1950, thu thu bị ng thóc. Ngày 22/1/1951, Thủ tướng công cáo VNDCCH về việc phát hành tin không báo công. Trong tháng 4 và 5/1951, Thủ tướng công giác Hồ về nạn tham ô lãng phí ở viên chức. (33)

Mọi nguồn tài nguyên có thể mang lợi vàng và ngoại tệ để khai thác tài địa để thu mua khí gas, thuốc men Thái Lan, Miền Đông, Hoa Nam và Hong Kong. Cũng may, vùng khoáng sản của Việt là nơi có nhiều uranium, và nhất là thuốc phiện. Từ năm 1946-1947, thuốc phiện, gỗ, gao và khoáng sản khác-vàng, wolfram, thiếc, kẽm, galène, antimoine, và có thể Uranium non tinh khiết Tĩnh Túc (Pia Ouac, Cao Bằng)-bán sang Hoa Nam để mua vũ khí và khoáng sản khác. (34)

Nhưng từ mùa Thu 1947, Pháp thu phục được một số lãnh chúa Thái và Mèo ở Lai Châu, Sơn La, Hà Giang, và Bắc Kạn, nên họ bắt đầu một cuộc thu nhập thuốc phiện của Việt Minh. Tuy nhiên, các khu vực “T” ngày một mở rộng. Hòa ước Elysée và thí nghiệm Báo Đông là giới hạn của làm tràn ly. Mọi người còn nhớ rằng tất cả đều tuy nhiên. Ngay đến cuối cùng của Hồ-Giám Mục Lê Hữu Thọ và Bùi Chu/Phát Diêm, theo tin đồn còn là “bên trong” của Nguyễn Sinh Côn thì một tin tức công viên Ngh An-cũng bị bỏ rơi, trung lập. Từ tháng 10/1949, một tin tức đoàn Nhảy Dù đã tiến Phát Diêm. Linh mục Hoàng Quỳ đang chuyển thành lập các địa phương và với sĩ, kiêm nhiệm việc hành chính khắp ba tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Bùi Chu. Tin tức bị chặn

T i Nam Ninh [Naning], Tr ng Quân [Vân] D t, Bí th kiêm Ch nhi m Qu ng Tây, củ u Chính y Tân T Quân, ra t n b sông đón. T i đây, H cũng g p Chen Geng [Tr n Canh], T l nh Quân Khu Vân Nam. Canh g i ý cho H xin mình qua giúp. T Nam Ninh H đi xe h i t i Lai Tân (đông b c Nam Ninh), r i đáp xe l a lên B c Kinh.

Ngày 30/1, t i th đô Trung Hoa, Thi u K , cùng Th ng ch Chu Đ c [Zhu De], Phó Th t ng kiêm T ng T l nh H ng Quân, và nhi u viên ch c cao c p nghênh đón H . H trình bày tình hình Vi t Nam, và nói rõ m c đích xin vi n tr . Thi u K thành l p m t y Ban g m Chu Đ c, Nie Rongzhen [Nhi p Vĩnh Trân], Quy n T ng Tham M u Tr ng, Li Weiham, Ch nhi m y Ban M t Tr n Th ng Nh t củ a Đ ng CSTH, và Liao Chengzhi, Phó Ch t ch y Ban Hoa ki u v , đ nghiên củ u nh ng yêu củ u củ a H . (38)

Ngày này, Nga chính th c nhìn nh n H . Các n c C ng S n khác theo gót. Hôm sau, 1/2, Mao và Ân Lai g i đi n chúc m ng H đã tham gia “đ i gia đình ch ng đ qu c” do Nga lãnh đ o, và chúc vi c th ng nh t đ t n c s m thành công. [We sincerely congratulate Vietnam's joining the anti-imperialist and democratic family headed by the Soviet Union. We wish that the unification of the entire Vietnam would be soon realized. We also wish Comrade Ho Chi Minh and his comrades-in-arms good health.] Đ ng th i, thông báo s quán TC t i Mat-sc -va đã chuy n cho các đ i s kh i CS công đ i n yêu củ u th a nh n và giúp đ VNDCCCH. (39)

Do đ ngh củ a H , ngày 3/2, B c Kinh dàn x p v i Đ i s Nga N.V. Roshchin cho H qua Mat-sc -va. Chuy n “h i chính” sau h n 11 năm tích củ c bi n đ i giòng l ch s Vi t này củ a H đ mùi v m n ng t, chua cay.

Thái đ “Ng i Thép” v n xa l . Stalin không tham d bu i đ ti c chào đón H do y Ban Trung ng Đ ng CS Liên S t ch c t i 6/2. Hi n nhiên, “Bác Joe” còn nghi ng H theo ch nghĩa “dân t c,” m t th “[J. Broz] Tito củ a Vi n Đông.” (Lãnh t Yugoslavia b Stalin “tuy t thông” và lên án là tay sai đ qu c [imperialist agent])

M c dù đã ho t đ ng cho QTCS t th p niên 1920, H củ a h g p m t Stalin. H (Nguy n Ái Qu c, r i Linov) còn b ch trích là không theo đúng l p tr ng Stalin đã đ a ra năm 1928–t c đ t cách m ng vô s n lên hàng đ u, th c hi n đ u tranh giai c p, đ a trên liên minh công-nông–nên t năm 1930 không đ c giao m t nhi m v qu c t nào. Vi c t đ ng thành l p Đ ng C ng S n Vi t Nam [CSVN] ngày 6/1/1930 vi ph m k lu t s t “ph c tùng tuy t đ i” củ a QTCS khi n H b h t ng công tác xu ng m t h p th , trong khi Tr n Phú, m t h c viên Đ i H c Ph ng Đông, đ c g i v Sài Gòn làm T ng Th Ký. Tháng 10/1930, Phú tri u t p H i ngh Trung ng l n th nh t Hong Kong, đ i tên đ ng CSVN thành Đ ng CSĐD v i nh ng ch tr ng m i củ a QTCS. Thêm vào đó, lý l ch H cũng có v n đ , nh t là v b b t gi năm 1931 và ra tòa Hong Kong, đ a đ n s suy y u củ a Dalburo [Ban Ph ng Đông] Th ng H i. Gi a năm 1932, Mat-sc -va khai t tên Nguy n Ái Qu c, trong khi Th ng đ c Hong Kong thông báo v i Đông D ng là H đã ch t vì ho lao và nghi n thu c phi n trong ng c. Khi tái hi n Mat-sc -va năm 1934, H ph i mang bí danh m i “Linov.” Nhi m v chính ch có vi c nghiên củ u Văn Phòng Đông D ng củ a Ban Ch p y QTCS, và t năm 1935, đ c thêm danh ph n h y viên đ b củ a Ban Trung ng Ch p y Đ ng CSĐD.

Tài li u văn kh QTCS ghi vào tháng 6/1938 Lin (H) làm đ n tình nguy n xin đi công tác, và

QTCS đang chuần bị đóng cửa các trung tâm huấn luyện, nên Dmitri Manuisky và Vasilyeva dàn xếp cho “sinh viên số 19” trở lại Trung Hoa để tăng cường lãnh đạo Đảng CSĐD. Ngày 19/8/1938, Mainburo chấp thuận. Ngày 29/9, Lin được đề nghị, và ngay hôm sau rời Mat-scơ-va về Diên An [Yenan].

Theo lời ghi thích trong thập niên 1950, Hồ được giao nhiệm vụ tổng quát là chuyển chuyển Đảng CSĐD, đảng thời mới như một huấn luyện cán bộ tổng hợp kinh nghiệm tại Quốc gia Châu trong giai đoạn 1925-1927. (40) Nhưng có một người (nhất là Hungary Ferenc Munnich) cho rằng Hồ là một trong rất hiếm người may mắn thoát khỏi cuộc thanh trừng của Stalin trong thập niên 1930, như số mệnh của Mat-scơ-va, trong khi những người chấp hành cũ như Mikhail Borodin, v.. v... theo nhau bị thanh trừng. (41)

Tại Diên An vào tháng 11/1938, “Lin” (ông Hoàng hay Vương) tháp tùng phái đoàn huấn luyện du kích chuyển của Ye Jianying [Điệp viên Anh] xuống Hoa Nam. Từ tháng 12/1938, “D.C. Lin” gửi về nội địa bài viết về sự tàn ác của Nhật tại Hoa Nam, đăng trên Dân Chúng, tờ báo chuyển Việt bán công khai của Đảng tại Sài Gòn (21 & 28/1/1939). Các báo bí mật của xấp xỉ Báo Kịch tại Hà Nội cũng trích đăng bài Lin, dưới bút hiệu “P.C. Lin.” Tháng 2/1939, “Thiếu tá Hồ Quang” của Đảng Bát Lộ Quân tại Quốc gia Tây.

Có một hiểu lầm cho thấy Lin đã chuyển liên lạc với Ban chấp hành Trung ương Đảng CSĐD từ đầu năm 1939, qua một người liên lạc người Hoa, lúc đó khá phát triển tại miền Nam qua các tổ chức kháng Nhật. Nhưng tháng 7/1939, Công báo cáo với QTCS là chuyển liên lạc được chuyển, dù đã chuyển chuyển khu vực của QTCS qua những người bạn. Thực tiễn thì hai bên không liên lạc với BCUTW càng khó khăn hơn, vì Toàn quyền Georges Catroux đưa CS ra ngoài vòng pháp luật từ đầu tháng 9/1939.

Trong khi Kan Nguyen Ngọc Vy [Phùng Chí Kiên] cùng cán bộ CS nắm vùng trong quân đội Trung ương truy tìm tổng tích Hồ tại Quốc gia Lâm [Guilin] tại Vân Nam, một liên lạc viên người Minh Hồ gây ra sự thất bại lớn cho Đảng CSĐD. Liên lạc viên này tìm được một số đã bị tổ chức nhử tháng số 19 hóm Nguyen Tấn Nghiệm, khi nhận được thư ký Đảng CSĐD cùng hai cán bộ Tội bắt giữ bắt chuyển trên. Những cán bộ cao cấp khác, kể cả Lê Hồng Phong, cũng bị bắt giữ trong hai ngày 17-18/1/1940. Một số cá nhân chuyên viên Mật thám Pháp hóm nghĩ được một cuộc thanh trừng lớn trong hàng ngũ lãnh đạo CSĐD. (42)

Trong Thực tiễn II (1939-1945), Hồ gửi liên lạc thông tin xuyên với Đảng CSTD, nhưng chuyển có tài liệu nào xác nhận sự liên lạc giữa Hồ và Đảng CSLS hay QTCS. Từ năm 1943, Hồ công khai hợp tác với tình báo Trung Hoa, Bri-tên và Liên Bang Mỹ. Một người chuyển Nhật của Hồ—kể cả việc tham gia vào việc tổ chức tàn ác của Nhật sau “vụ thảm sát Nam Kinh” [The Nanking Massacre] vào tháng 12/1937—giúp Hồ có một hình ảnh chuyển chuyển ngoi vì Việt Minh. Tháng 8/1945, đội quân Việt-Mỹ của Võ Nguyên Giáp tiến vào Hà Nội cùng các chuyển Mỹ. Ngày 2/9/1945, Hồ xuất hiện tại Cổng Cổng Hà Nội, được báo Tuyên Ngôn Địch Lập lịch sử—trong đó Hồ trích dẫn Tuyên Ngôn Địch Lập 1776 của Liên Bang Mỹ để mở đầu Tuyên Ngôn của mình. (43)

Thời gian này, Josef Stalin còn hợp tác toàn diện với Mỹ và Bri-tên để đánh Germany. Năm 1943, “Bác Joe” gửi tán QTCS để mua chuyển lòng tin của Franklin D. Roosevelt và Winston

Churchill. Bài h c này đ c H b t ch c qua vi c gi i tán Đ ng CSĐD t ngày 11/11/1945 đ có th l p m t chính ph đ oàn k t, liên hi p v i các phe phái ch ng C ng-m t hòn đá ném hai, ba chim: M , Pháp và Trung Hoa Dân Qu c-ch nhán th c s phía B c vĩ tuy n 16.

Khi chi n tranh th II đi vào đ o n k t, m i quan tâm l n nh t c a Stalin là nhu c u tái thi t n i đ a, do s tàn phá kh ng khi p trong Th chi n. Stalin cũng đ n chú tâm vào vi c t o m t vùng trái đ n biên gi i phía Tây, t c Đông Âu (Kominform), và y m tr các phong trào t phái Tây Âu, đ c bi t là Pháp. Charles de Gaulle đã khôn khéo khai thác mâu thu n gi a B ch Cung và Krem-li-cho phép Maurice Thorez v n c, nh n l i vi ng thăm Mat-sc -va t 2 t i 10/2/1944, ký hi p c đ u tiên c a chính ph lâm th i Pháp v i m t c ng qu c, tr c khi qua M năm 1945-đ b o v “ch quy n” Pháp Đông D ng. Chính Stalin giúp Churchill áp l c Roosevelt th a nh n De Gaulle ngày 23/10/1944; và r i, t H i ngh Yalta (Crimea, 4-14/2/1945), đ t v n đ Đông D ng vào “thi n chí” c a Pháp.

Riáng v i H , vì m t lý do nào đ ó, Stalin gi m t kho ng cách, có th m nh danh là “hands-off” hay “không chính sách.” Gi ng nh M , Nga ch “y m tr tình th n” cho khuynh h ng “gi i th c” [decolonization]. D hi u là nh ng công đ i n H g i cho Stalin gi a tháng 9 và 10/1945, gi ng nh nh ng văn ki n ca ng i h th ng dân ch M , k c di n văn c a Harry Truman và các viên ch c ngo i giao M t tháng 9/1945 t i tháng 2/1946, đ u không có h i âm. (44)

Bán nguy t san New Times [Tân Th i Báo]-t báo Anh ng chuyên v ngo i giao c a Nga-không đi m t tin t c nào v vi c H Chí Minh tuyên b đ c l p hay liên quân Bri-tán/Pháp xâm chi m mi n Nam vĩ tuy n 16. Mãi t i s báo ngày 15/10/1945, New Times m i nh c đ n “Đông D ng thu c Pháp” [French Indochina] khi bàn v th c dân Nh t. Trong s k ti p, tác gi A. Guber vi t v tình hình Đông D ng và Indonesia, nh ng ch nh n xét chung chung: “M i đá đ a tái l p ch đ thu c đ a đ i đ ng th c cũ mà nhân dân Đông D ng và Indonesia không ch p nh n đ c, đang g p s ch ng đ i ngày m t m nh. Thi n c m c a nh ng l c l ng ti n b nghiáng v phía qu n chúng đang khao khát t do và đ c quy n t do.” Tháng 12/1945-khi liên quân Pháp/Bri-tán tái xâm láng Nam b và Nam Trung b -tác gi E. Zhukov vi t bài “V n đ Qu c t Qu n tr” [The Trusteeship Question]. Trong khuôn kh nguyên t c yêu chu ng hòa bình, tác gi kêu g i th c thi ngay đ i u kho n qu c t qu n tr c a Liên Hi p Qu c đ i v i dân chúng thu c đ a. L p lu n này đã đ c đ i di n Nga Sô nêu lên ít tháng tr c Hà N i.

Chuy n qua Pháp c a H năm 1946 không m đ c quan h tr c ti p v i Nga. Kremli v n dành u tiên hàng đ u cho Âu Châu-n i Churchill đang tìm cách tr l i chính quy n b ng cách rao gi ng v m i đá đ a c a “b c t ng thép.” Stalin không mu n đ y Pháp v phía kh i Anglo-Saxon, đ ng th i dành m t ph n sán ch i cho Maurice Thorez và Đ ng C ng S n Pháp. Thorez sau này t nh n tr thành g ch n i gi a H và Stalin, nh ng không thuy t ph c đ c Bác Joe v vi c H gi i tán Đ ng CSĐD vào tháng 11/1945. Dĩ nhiên, l p tr ng ch ng giao tr Nam K cho chính ph liên hi p VNDCCH m i thành l p ngày 1/1/1946 c a Thorez cũng ít nhi u nh h ng quy t đ nh c a Stalin v Vi t Nam. Dù Đ ng CS Pháp dành cho H nh ng ti p đón thi n c m, n u tin đ c d’Argánlieu, phía sau h u tr ng, chi u ngày 22/2/1946 Thorez t ng c v n Linh m c/Cao y:

Qu c k c a chúng ta trên h t! V y n u c n đánh, c đánh, n n cho n ng vào.” [Nos couleurs

avant tous! Et donc s'il faut cogner, cognez et cognez dur.”] (45)

Trở n năm 1946, New Times ch< đßng hai bài c< a A. Guber và Vera I. Vasilyeva (1900-1959), c< u ch< nhißm Văn Phòng Đông D< đ< ng c< a Ban Ph< đ< ng Đông QTCS v< “French-Indochina.” Guber yßm tr< mô hình Kh< i Liên Hißp Pháp [L’Union française] trong D< th< o Hißn Pháp c< a Pháp, và nh< n m< nh vào s< th< t ch< t liên h< gi< a “nhân dân Đông D< đ< ng” v< i “l< c l< đ< ng tißn b<” Pháp, vì đây là ch< n< đ< ng đ< a cho nh< ng đòi h< i chính đßng. Vasilyeva cũng tin r< ng tißn trißn “Viet Nham” s< tùy thu< c vào quan h< v< i nh< ng l< c l< đ< ng “dân ch< Pháp” vì các l< c l< đ< ng tißn b< này luôn luôn yßm tr< s< gi< i phóng thu< c đ< a [The further development of Vietnam depends to a significant degree on its ties with democratic France, whose progressive forces have always spoken forth in support of colonial liberation]. (46)

Không rõ nh< ng l< p lußn trên đ< a theo đ< đ< ng l< i chính th< c c< a Stalin hay ch< u < nh h< đ< ng c< a báo chí “t< phái Pháp” trong th< i gian này. Nh< ng lußn đ< u c< a New Times ph< n ánh rõ ràng l< p tr< đ< ng: (1) v< n đ< Vißt Nam thu< n túy là v< n đ< n< i b< Pháp, và (2) Mat-sc<-va không ch< ng đ< i nguyên t< c m< t Kh< i Liên Hißp Pháp–m< t b< c th< t l< i kh< i k< ho< ch “Qu< c t< qußn tr<.”

Mãi t< i mùa Xuân 1947–sau m< t chußi nh< ng bißn c< m< đ< u cu< c chißn tranh l< nh M<-Nga (1947-1991), đ< a Pháp đi đ< n v< phía h< u, các b< tr< đ< ng CS b< lo< i kh< i chính quyßn Paul Ramadier–Nga m< i quan tâm h< n đ< n Á Châu. New Times qui trách b< n ph< n đ< ng Pháp, và c< nh gißc v< âm m< u đ< qu< c Bri-tßn nh< m đ< u i Pháp và Dutch kh< i Đông Nam Á. New Times cũng b< t đ< u nh< c đ< n “Ho She-ming” và “Viet Nham,” nh< ng có v< ch< tóm l< c nh< ng nét chính c< a L’Humanité, c< quan ngôn lußn c< a Đ< ng C< ng S< n Pháp, và rằng bu< c s< ph< n dân chúng Đông D< đ< ng vào Đ< ng CS Pháp cùng t< ch< c Công đoàn Th< đ< ng m< i [C.G.T.]. c< a Louis Saillant.

Tháng 4/1947, New Times b< t đ< u đ< kích chính ph< Ramadier v< nh< ng hành đ< ng quân s< và chính tr< < Đông D< đ< ng–t< chính ph< t< tr< n< ng mùi nh< a cao su t< i vi< c thành l< p m< t chính ph< l< u vong không C< ng S< n đ< i danh nghĩa B< o Đ< i đ< làm gißm giá tr< H<. Tháng 4/1947 này, Zhukov ca ng< i nhân dân Vißt Nam và Indonesia đã mang bißu ng< t< do và đ< c l< p vào t< n trái tim Á Châu [“carrying the banner of freedom and independence into the heart of Asia.”] Đ< u v< y, c< hai siêu c< đ< ng Nga và M< đ< u nhân nh< đ< ng, quay l< ng tr< đ< c chính sách th< c dân c< a Pháp. Thái đ< c< a Stalin “đúng đ< n” đ< n đ< ngày 14/4/1947, khi phe c< c h< u nh< Maurice Violette nh< c đ< n liên h< gi< a H< v< i QTCS–kißu “Tinh th< n qu< c gia < Vißt Nam là ph< đ< ng tißn; c< u cánh là th< c dân Liên Sô”–các dân bißu CS Pháp (Michel Cachin), Đ< ng Xã H< i, hay MRP (Ki-tô giáo trung dung), và ngay Th< t< đ< ng Paul Ramadiet đ< u bênh v< c Nga “hoàn toàn trung l< p.” (47)

Stalin cũng ch< ng tr< ng v< ng gì H<. Theo nh< ng lãnh t< CS Âu Châu t< ng làm vi< c đ< i quyßn Stalin, đ< u khißn “Bác Joe” khó ch< u là t< năm 1943, H< đã h< p tác công khai v< i tình báo Bri-tßn, M<, và Trung Hoa. [Stalin was distrustful of Ho and his group. He felt that Ho had gone too far in his wartime collaboration with the British intelligence and the OSS]. H< l< i th< đ< ng không ch< ng t< đ< c mußn tham kh< o và xin l< nh Stalin tr< đ< c khi hành đ< ng. [Also, Ho had consistently displayed his unwillingness to seek Stalin’s advice and consent prior to taking action]. Vi< c gißi tán Đ< ng CSĐD là m< t thí đ<. Thorez tißt l< r< ng khó th< thuyßt ph< c đ< đ< c

Stalin và tính chất chuyên trị, một thủ thuật để lôi kéo những thành phần quốc gia không Cộng Sản. [As an example, the dissolution of the ICP: Thorez had a hard time convincing Stalin that the liquidation was transitory, a mere tactic to gain political support from the Vietnamese nationalists]. Không kém quan trọng, với thủ đoạn lý-chính trị của Việt Nam và sự yếu ớt của lực lượng du kích VM khiến Stalin ngần ngại, không muốn tham dự vào một cuộc phiêu lưu không bảo đảm thành công. (48)

Sau ngày Mao chỉ huy Bắc Kinh, công quan tuyên truyền Nga mới bắt đầu ướm chân vào chính nghĩa của VNDCCH đối với lãnh đạo của HCM. Ngày 1/4/1949, Đài phát thanh Liên xô tại Siberia (Soviet Radio Khabarovsk), trong chương trình phát về Đông Hàn, lần đầu tiên nói về những hoạt động của chính phủ HCM, và Đông CSVN do Hồ lãnh đạo. Ngày 13/4/1949, New Times lên án Liên bang Xô viết sau thí nghiệm Bắc Triều Tiên, và tóm lược thành tích của VNDCCH như “kiểm soát 90% lãnh thổ và dân chúng;” thực hiện những cải cách xã hội, chính trị, văn hóa, kinh tế-tài chính. Đồng thời cũng nói rằng những lực lượng dân chúng trên toàn thế giới, lên án hòa ước Elysée (8/3/1949) như sự thỏa thuận giữa đế quốc Pháp với bù nhìn phong kiến để chống lại dân tộc Việt Nam, với Oat-shinh-tân sau này. (49)

Lý do nào đi nữa, Nikita S. Khrushchev—Bí thư thứ nhất Đông CS Nga từ 14/3/1953 tới 15/10/1964, ngỏ ý hỏi báo Stalin qua điện văn ngày 20/2/1956, và chống trả ngay với ngỏ ý hỏi—xác nhận Stalin rất thông minh như với Hồ trước năm 1950. (50)

Số lượng như thế của Stalin có thể còn do với thủ đoạn lý-chính trị của Việt Nam trên bàn đàm phán giải. Việt Nam quá xa tầm tay Stalin. Hơn nữa, thật khó để quy kết những thất bại Việt Nam vào vùng ảnh hưởng Đông CSTH hay Đông CS Pháp. Từ năm 1935, QTCS đã đặt Đông CSĐD dưới sự kiểm soát của Pháp. Tình thế đã đổi thay, vì Mao mới dời đến địa chỉ Diên An với Bắc Kinh. Giải quyết như Karl Marx, Stalin không trả lời ngay những “bài khoai của cách mạng vô sản” ở Á Đông.

Chỉ đến những mâu thuẫn của Mao tại Hoa lục trong hai năm 1947-1948 khiến Stalin chú ý hơn đến Á Châu, những suy thác cho Mao phải tránh phong trào cách mạng ở Viễn Đông—còn những câu của Stalin từ năm 1929.

Chuyên gì xảy ra đi nữa, do Mao đề nghị, vài ngày sau khi Hồ tại Mat-scơ-va, Stalin tiếp Hồ tại văn phòng với sự hiện diện của Georgii M. Malenkov, Vyacheslav M. Molotov, Nikolai A. Bulgarin, Wang Jiaxiang (Võ tướng Gia Tòng), Đại sứ Trung Cộng tại Nga, và Trần Đăng Ninh. Stalin hỏi về lý do giải tán Đông Cộng Sản, và chính sách trong tương lai. Stalin cũng muốn Hồ đồng ý phía nhân dân, thực hiện ngay “cách mạng thổ địa.” (51)

Trong một buổi họp có cả Mao, Hồ xin Stalin giúp trang bị 10 sư đoàn bộ binh và 1 trung đoàn pháo cao xạ. Stalin nói Trung Cộng có nhiệm vụ giúp VNDCCH vì Nga đang lo mặt Đông Âu. Stalin hứa sẽ bồi hoàn cho Bắc Kinh số vũ khí viện trợ cho Việt Minh. Mao đồng ý trang bị cho Việt Nam sáu [6] đại đoàn, Hồ có thể cho ngỏ ý sang nhận vũ khí. Tờnh Quống Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của Việt Nam.

Từ 16/2, trong dịp tiếp của tiến Mao, khi Hồ nói đùa rằng thà chết để nghị Stalin ký Hiệp ước hòa nghị với Việt Nam, Stalin trả lời và phủ phàng hỏi lại: Cách nào để giải thích Hồ tại đâu tại Mat-scơ-va? Stalin còn bàn chuyện Hồ với việc “Chống lại Nhà Nô lệ” xin “chống thổ.” (52) [Hồ còn xin

chß ký Stalin và các cßp lãnh đßo Nga (gißng nhß tßng xin hình có chß ký cßa Tßng Claire Chennault năm 1945); nhßng tß báo có chß ký này sau đó bßng đßng bißn mßt ß khách sßn].

Mßt tác giß TC ghi trong khi HCM tháp tùng Mao và Chu Ân Lai đßp xe lßa tß Mat-scß-va vß Bßc Kinh đßng ngày Nguyên đßn Canh Dßn [17/2/1950], Mao mßi hßa trang bß cho Vißt Nam sáu [6] đßi đßan. Trß lßi Bßc Kinh ngày 2/3, Hß thßo lußn thêm chi tißt vßn đß vißn trß. Ngày 4/3, Mao hßp vßi Thißu Kß, Chu Đßc, Ân Lai và y thßc Phó Chß tßch Trung Cßng đßi u đßng công tác “nghĩa vß qußc tß” này. Theo mßt tài lißu Bßc Kinh, tß thßng 4 tßi thßng 9/1950, Bßc Kinh vißn trß cho VM 14,000 súng, 17,000 súng tß đßng, 150 cß pháo đß loßi, 2,800 tßn thßc, cùng nhißu đßn dßc, thußc men, quân phßc và máy truyß tin; Jian 1993:93. Mßt tài lißu khác ghi tß 1950 tßi 1954, TH vißn trß hßn 155,000 súng, hßn 3000 pháo, cùng đßn dßc, xe cß, qußn áo, lßng thßc, thßc phßm phß, đß dßng; (Trßng Qußng Hoa, LQB, 2008:27) (53)

Hß cũng đßng trao đßi Đßi sß, và thißt lßp cß sß ngoßi giao. Ngày 7/7/1950, Chu Ân Lai cho bißt hißn tình chißn tranh khißn bßt tißn cho ngoßi giao đßan, TC giß Luo Guibo [La Quý Ba], đß lên đßng qua Vißt Bßc tß thßng 1/1950 nhß đßi dißn Đßng CßTH, tißp tßc nhißm vß này hßn là Đßi sß. Tß thßng 8/1950, Quý Ba gßp gß các cán bß cao cßp CSVN tßi Tuyên Quang, qua sß thông đßch cßa Lý Ban. Bùi Công Trßng, Hß Vißt Thßng trßng bày vßi Ba vß vßn đß kinh tß và dân cßy tß 21 tßi 23/8/1950. Sáng 23/8, Thßng còn trß lßi Quý Ba vß CCRĐ. Lê Văn Hißn trßng bày vßn đß tài chính, thu thuß nông nghißp, v.. v.. Ngày 24/9, Quý Ba vß lßi Bßc Kinh, đß c Thißu Kß đßn vào gßp Mao. Mao đßng ý cho làm Tßng Cß Vßn, vßi nhißm vß u tiên hàng đßu là cßi cách kinh tß, tài chính, và đß c phép mang vß là Lý Hàm Trân tháp tùng qua Vißt Bßc, phß giúp trông coi văn hóa và phß nß vßn.

Trong khi đó, Hoàng Văn Hoßn, tßng ß Hoa Nam tß 1934 tßi 1945, rßi hoßt đßng ß Thái Lan trong hai năm 1948-1949, đßi dißn Đßng CSßD tßi Bßc Kinh (sau trß thành Đßi sß). Thißu Kß còn cho lßp hai Tòa lãnh sß ß Nam Ninh (Qußng Tây) và Côn Minh (Vßn Nam). Bißn sß sß tßi Côn Minh là Bùi Đßc Minh (1900-1963), tßc Bùi Đßc Hách, mßt cßu đßng viên nhóm Thißt Huyßt Vißt Nam Qußc Dân Đßng tßi Vßn Nam, nhßng phßn Đßng, theo Cßng Sßn cùng vßi Trßn Qußc Kßnh, Lê Tùng Sßn, v.. v.... tß năm 1935-1936. Lußt sß [Nguyễn Văn Lßu], quen bißt Vũ Đình Hoße, làm Bißn sß sß Qußng Châu. (54)

Hß cũng xin trao đßi Đßi sß vßi Liên Xô; nhßng Mat-scß-va chß đßng ý nhßn Đßi sß VNDCßH mà không gißi Đßi sß tßi Vißt Nam vì chßa có thß đß cß đßnh. (55)

Kßt Tß:

Chuyến đi của vị n bí m t của Hß Chí Minh năm 1950—tß thßi đßi m này nhìn lßi—cß kß quan trßng cho cá nhân Hß và Đßng CSVN. Nó đánh đßu sß trß lßi của Hß vßi Khßi Qußc Tß Cßng Sßn, đß i sß bao bßc, che chß, nuôi ăn, cung cßp vũ khí và nhßng chißc loa tuyên truyßn âm vang khßp thß gißi cho chính nghĩa cách mßng “gißi phóng qußc gia.” (56)

Tháng 2/1951, tßi Hßi trßng Đßi Hßi II Đßng CSßD—cũng Đßi hßi đßi tên thành Đßng Lao Đßng Vißt Nam—đß i chân dung Mác, Ăng-gheßn, Lênin, là chân dung của Stalin và Mao Trßch Đßng. Trong công đßng gißi Đßng CßTH, có đoßn:

“Đệ ng Lao đệ ng Việ t Nam nguyệ n soi gệ ng anh dệ ng Đệ ng Cệ ng Sệ n Trung Quệ c, hệ c tệ p tệ tệ ng Mao Trệ ch Đông, tệ tệ ng lẫnh đệ o nhậ n đậ n Trung Quệ c và các dậ n tệ c Á Đông trên con đệ ng đệ c lậ p và tệ chệ ;” (57)

Trong báo cáo chính trệ , Hệ tuyên bệ :

Ta có nhệ ng ngệ i anh, ngệ i bệ n sáng suệ t nhệ t, xệ ng đặ ng nhệ t cũ a loậ ngệ i—là đệ ng chí Sta-lin và Mao Trệ ch Đông. (58)

Bài điệ n vẫ bệ mệ c, kệ t thúc bệ ng nhệ ng lậ hô: “Đệ ng chí Xit-ta-lin muậ n năm,” “Mao Chệ tệ ch muậ n năm,” “Hệ Chệ tệ ch muậ n năm.” (59)

Ngày 1/9/1954, trong đáp tệ đốn chào Quệ Ba làm Đệ i sệ đệ u tiên cũ a THNDCHQ bên cũ nh chính phệ VNDCCH, Hệ nhệ c đệ n mệ t thuệ t ngệ trệ thành quen thuệ c tệ năm 1950: Đố là mệ i quan hệ anh em, nhệ môi vệ i rặ ng [teeth and lips]. Năm năm sau, ngày 28/9/1959, nhậ lậ kệ niệ m mệ i [10] năm thành lậ p THNDCHQ, HCM lậ i vệ t cho Mao: “Việ t Nam và Trung Quệ c là hai nệ c anh em, quan hệ vệ i nhau nhệ môi vệ i rặ ng, ... Cách mệ ng Trung Quệ c thệ ng lậ i và vệ c thành lậ p nệ c Cệ ng Hòa Nhậ n Dậ n Trung Hoa là sệ kiệ n vớ đệ i nhệ t trong lậ ch sệ cũ a loậ ngệ i tệ p theo cách mệ ng thắ ng Mệ i Nga.” (60)

Dĩ nhiên, HCM không phệ i là tác giệ cũ a thuệ t ngệ “môi hệ rặ ng lậ nh” này. Khoệ ng bệ y thệ kệ trệ c, trong thệ gệ i Trệ n Nhậ Tông mùa Thu 1291, Thệ ng thệ bệ Lậ Trệ ng Lậ p Đệ o cũ a Qblai Khan nhậ Nguyên (Yuan, 1270-1368) tệ ng nói đệ n tệ n tệ ng thậ n, tệ ng trệ “thệ n xệ chi bang”—nhệ ng theo thệ bệ c “cha-con” [“do tệ đệ phệ mệ u chi tệ ng thậ n,” “phệ tệ chi quệ c, thệ n xệ chi bang”], “thuệ n trệ i thệ sệ ng, nghệ ch trệ i thệ điệ t” [thuệ n thệ n giệ xệ ng, nghệ ch thệ n giệ vong] giệ ng nhệ thệ i Nhậ Tệ ng. Trích đệ n 5 đệ u “không tệ t” [ngệ bệ t vệ] trong Xuân Thu, trích ba đệ u đặ ng sệ (“Tam khệ úy”) trong Luệ n Ngệ [Lậ luệ n]; cùng mệ t túi khôn cũ nhậ TH: “Đặ ng vậ a thệ chệ u, đặ ng mệ nh thệ chệ y” [“vệ tiệ u trệ ng tệ c thệ , đệ i trệ ng tệ c tệ u, tệ ngậ n an tệ i tai?”] (61)

Biệ t rệ hay chệ a hệ nghe vệ thệ quan hệ “cha-con, giệ gịn nhau nhệ môi vệ i rặ ng”, “thuệ n trệ i thệ sệ ng, nghệ ch trệ i thệ điệ t” cũ a thệ i phong kiệ n này, ít nhệ t trên phệ ng điệ n ngoệ i giao, HCM đặ thiệ t lậ p tệ n lậ “hai nệ c anh em” hay “bệ n” thay cho thệ trệ t tệ “thông hiệ u cha-con” xa xệ a.

Hoàng Vẫ Hoan (1905-1991), đệ i sệ VNDCCH đệ u tiên tệ i THNDCHQ—trong nệ lậ c đệ kệ ch Lê Duệ n (1908-1986)—cũng kệ ch cũ n đệ n lậ i nhệ ng lậ i triậ n nhệ ng nhệ t cũ a Hệ và hệ n mệ t lậ n cụng vẫ sệ vệ n trệ “quệ c tệ vô tệ” tệ 1950 tệ i 1977. Năm 1984, khi đệ c Hệ Cệ m Đậ đặ tệ c nhậ đệ p năm năm đậ tệ u qua Bệ c Kệ n, Hoan còn nhệ n mệ nh “Cộ ngệ n cũ a TQ . . . sệ mặ mặ i n sậ trong lậ n nhậ n Việ t Nam, không bao giệ phậ nhệ t;” (62)

Sệ cụng vẫ ngệ t ngậ o, rệ ng rặ này là đệ c tệ n cũ a “tệ tệ ng Hệ Chí Mệ nh,” nói riệ ng, và ngệ i Cệ ng Sệ n nói chung. Tệ 1977 tệ i 1986, Hà Nệ i tung ra lậ i vẫ chệ ng “đậ mệ” tệ Mao tệ i Đệ ng vệ i giệ ng đệ u thệ ng chệ dành cho tệ thù đệ quệ c. Ngệ i quan sát ghi nhệ n nhệ ng lậ i chệ i rệ a nệ ng nệ nhệ “ba lậ n phệ n bệ i, lậ n sau bệ n thệ u tệ i tệ hệ n lậ n trệ c,” hay “nhệ ng con thuyệ n hệ i tệ c mệ i ló đệ ngệ chậ n trệ i,” v.. v.. Chệ thiệ u nhệ ng tệ ng nhệ chộ , lậ n, đệ c vệ t mà cũ quan tuyên truyệ n Bệ c Kệ n hay chính Mao dành cho bệ n phệ n đệ ng, phệ n cách mệ ng, khó thệ

cái táo.

Mát cái nhìn khách quan, khoa hác, xuyên suát qua nháng lái nhán cung văn-đào má, nháng buái liên hoan “uyên ca,” hay luán điáu tuyên truyán mát chiáu hung hán cáa chá thuyát Marxist-Leninism, cho tháy nháng háng cách đáy hoái nghi, khó san báng giáa hai nác váa là đáng chí, váa là anh em.

Theo tình báo Pháp và THDQ, mát hiáp đánh Hoa-Viát đác ký kát trong thái gian Há Bác Kinh. Tài liáu Trung Cáng hay Viát Cáng không nhác đán hiáp nác, nháng xác nhán Mao háa thoá mãn nhu cáu cáa Há, “trong khá năng.” Mao tá ra rát thác tá trong lái háa vián trá. THNDCHQ váa thoát khái cuác chián gán 20 năm, kinh tá suy sáp, lánh phong táa cáa Liên Bang Má và Đáng Minh bát đáu gáy nánh háng. So vái các cáng quác Tây pháng, dân Trung Hoa—nói theo mát chuyên viên—cán nháng đáng giáa dòng sông, nác ngáp đán cá, chác nám tá gán sống nhá đáng tá thá.

Phân tích sác hán, vián trá cáa Bác Kinh có giái hán cáa nó, tùy theo nháng bài tính quyán lái hay an ninh cáng quác giai đánh, và háo ý cáa Mao. Tháng 11/1950, Mao giái thích vái La Quý Ba: “Viát Nam đánh bái bán xâm lác Pháp, đáu i chúng khái Viát Nam, biên cáng phía Nam cáa Trung Quác cũng giái táa khái mái đáa cáa bán xâm lác thác dân Pháp.”

Trong bán năm 1950-1953, Bác Kinh giúp Há xây dáng đác sáu [6] đái đoàn chá lác, đá sác đác ngá đáu vái khoáng 200,000 quân vián chinh Pháp. Mao còn sai Chen Geng [Trán Canh] và đoàn cá ván quân sá gám 281 ngáng i chá huy trán “táng phán công” đáu tiên cáa QĐNDVN tái Đông Khê-Thát Khê trong tháng 9-10/1950, giúp mángá biên giái Hoa-Viát, bián Quáng Tây và Vân Nam thành háu pháng lán cáa Viát Minh.

Dù có nháng dá biát vá ngày tháng trong tá liáu CSVN và CSTDH, vai trò tháng trá cáa cá ván Trung Hoa cùng các cá quan trung náng Bác Kinh trong giai đánh 1950-1954 quá rõ ràng. Vián trá cáa Bác Kinh rát khiêm nháng, chá đáp náng đác khoáng 20% nhu cáu cáa QĐNDVN năm 1950, nháng là nguán ngoái vián quan tráng và duy nhát. Cá ván Trung Cáng bày vá cho Quân y Trung náng Đáng Lao Đáng Viát Nam chián thuát bián ngáng i, láy năm, mángá đánh mát đá đánh nhanh, tháng nhanh—hán 500 “bá đái cá Há” chát trong vòng 72 tiáng tán công Đông Khê, trác lác láng đán trú khoáng 200 ngáng i. Gán trán Trung đoàn 102/308—háu thân Trung đoàn Thá Đá, mái trái qua cuác chánh huán “tát”—bá tiêu diát ngày 9-10/4/1954 Đán Biên. Võ Giáp phái xin Bác Kinh giái chí nguyán quân, nháng Báng Đác Hoài không cháp thuán. Giáp đành xin đôn quân, tăng vián cho mát trán 25,000 bá đái cùng hàng chác ngàn dân công (nán nhán cáa chián đách đáu tá).

Quan tráng hán náa, vián trá Trung Cáng giúp Há táo thá chá đáng trên chián tráng. Năm 1952-1953, Bác Kinh chá thá cho Há má ráng chián tráng lán háng tây bác đá tránh tàn phá các trung tâm sán xuát láng thác, đáng thái chuán bá đánh thông xuáng Há Lào và Kampuchea—nháng thác tâm có lá còn muán khóa kín tuyán tây nam, tá Thái Lan và Lào tián lán Vân Nam-Tá Xuyên. Stalin cháp thuán, và có tin đá đáng ý cho Mao và Há đi tìm mát giái pháp tháng thuyát.

Trác vián nánh sa láy, Pháp nhá Nga và Trung Cáng giúp tìm mát giái pháp chính trá. Đái i áp

Liên cßng và Trung Nam Hßi, Hß chßp nhßn ký Hißp cß đình chißn Geneva 20-21/7/1954, tßm thßi chia Vißt Nam làm hai vùng tßp trung, chß tßng tuyßn cß đß quyßt đßnh thß chß chính trß tßng lại.

Vß ý thßc hß, cán bß chính trß, kinh tß và quân sß Trung Hoa cũng đßc gßi tßi Vißt Bßc, chß huy và hußn luyßn Quân Đßi Nhân Dân [QĐND] Vißt Nam “tß tßng vĩ đßi” cßa Mao—mßa Hß và Giáp đßu ca ngßi là bßc thầy—thßc hißn nhßng kß hoßch Mao hóa nhß chßnh phong, chßnh quân, chßnh hußn, tái tß chßc bß máy qußc phòng và chính phß. Rßi, cßi cách rußng đßt, kißn toàn tß chßc “bßo vß an ninh,” nhßm tiêu dißt xã hßi phong kißn,” tißn lên xã hßi chß nghĩa—qua nhßng thí nghißm tßp trung tß tiên, tßp trung thßn thánh, hßp tác xã, nông trßng, công trßng, tiêu dißt tß hßu—phißu lßu vào cußc “cách mßng” mà trên bßn chßt chß là mßt cußc thay đßi chß đß cai trß đßc tài quân chß sang “chuyên chính vô sßn.” Khßu hißu và gußng máy tuyên truyßn khßng lß không đß che đßu mô thßc chuyên chính đã có hàng ngàn năm lßch sß Trung Hoa và Vißt Nam. Khoßng cách bißt gißa giai cßp cai trß quan lßi cách mßng và bß trß bßn cß nông chß thay đßi phißn dißn trên hình thßc. Sß nghèo đói cùng cách bißt gißa giai cßp cai trß và đßm đông không thß cách mßng hay thay đßi. Tham ô, nhßng lßm, bè đßng, hß hóa lan tràn, khißn nhßng kißu mßu sßa sai, tß thanh, ngũ phßn đßu bßt lßc. Nhß loài đßa trâu hai vßi, đßng mßt mßt bßn hút máu dân, mßt vßi khác bám chßt bßt cß ngußn ngoßi vißn nào có thß cßu xin.

Phßn Bßc Kinh, chính sách ngoßi vißn và xußt cßng “cách mßng” đßc tính toán nhißu mßt, bao gßm truyßn thßng lßch sß, hß tßng cách mßng và quyßn lßi hay an ninh qußc gia. Vßt trên nhßng yßu tß này, còn mßc cßm tß tôn vß vß trí tßi cao cßa CSTH trong quan hß vßi Vißt Nam. Bßc Kinh thích khoa trßng hß chß cßng hißn vô tß, không áp đßt đßu kißn chính trß và kinh tß kèm theo vißn trß. Nhßng hß lßi mußn Hà Nßi công nhßn vai trò lãnh đßo cßa Bßc Kinh trong phong trào “gißi phóng dân tßc”—tßc thißt lßp bßng hßng súng nhßng thß chß đßc tài, tàn bßo, khinh thßng mßng sßng con ngßi cũng nhß nhßng quyßn tß do cß bßn. Thái đß này khißn nhóm Lê Dußn, dù rßt tßa thích chß đßc tài “dân chß nhân dân,” thßy khó chßu, nhßy cßm vß quá khß gißa hai nßc. Lãnh đßo CSTH liên tßc nhßc đß nhßc lßi rßng Vißt Nam phßi đßc đßi xß “bình đßng,” nhßng chính nhßng lßi lß đó phßn ánh oßtßng rßng Bßc Kinh có mßt vß thß áp đßt nhßng giá trß và nguyên tßc hành đßng lên nhßng lßng gißng. Kinh nghißm lßch sß cho thßy bßt cß thßi đßi mßnào hùng mßn hß cßa Bßc Kinh, Vißt Nam và lân bang đßu gßnh chßu hoß bßnh trßng Hán tßc. Bßt chßp vißc hai Đßng và chính phß gßi nhau “vßa là đßng chí vßa là anh em,” thân thißt “nhß môi vßi răng,” ác cßm và sß nghißng ngày càng tßn đßng, kßt tßa.

Cho đßn nay, vßn còn nhßng tài lißu tuyên truyßn ca ngßi cái gßi là “sß cßng hißn vô tß” cßa Mao cùng Đßng CSTH cho “Vißt Nam”—chính xác hßn, chß là sß trß giúp cho Đßng CSVN, tßc Đßng cßm quyßn hißn nay tßi Vißt Nam.

Đßng lßc cßa Mao Nhußn Chi—ngßi đßc mô tß mßt cách phißn dißn nhß chß thßy chß thuyßt Cßng Sßn [Communism, đúng hßn, “công hßu”] là chân lí [the truth]—đßa tßp hßn nhißu ngßi suy đoán. (63)

Ngoài nhßng tham vßng quyßn lßc cá nhân, vßi nhßng đßc tính phß thußc nhß tß tôn, tß cao, tß đßi, đa nghi và háo sát, còn tißm tàng di sßn “lußt kß mßn” và tham vßng bßnh trßng có hàng ngàn năm lßch sß cßa Hán tßc. Nhßng tài lißu tuyên truyßn Đßi Hán nhßi nhßt vào đßu nhßng ngßi nhß Mao Nhußn Chi, Lßu Thißu Kß, Chu Ân Lai, hay Đßng Tißu Bình—qua nhßng bài hßc

số địa phương hay tiểu học, hay “lịch sử nhiểu người Việt” như “Tây di” đã chiếm đoạt của Trung Hoa nhiểu cho họ hay đất đai như Miền Đßng [Myanmar], Thái Lan, An Nam, Đài Loan, Triều Tiên, Manchuria, Mongol, Tibet, v.. v.. – bất chấp số thực là các triểu địa phương của Trung Hoa đã số dßng vũ lực để đánh cướp nhiểu người số trên, và nhiểu họ nên mất lớn bị đánh đuổi khỏi nhiểu vùng đất này.

Năm 1936, Mao từng gọi như là với Edgar Snow như cảm khái và hạnh diển khi thấy nhiểu người bị người “Ta Han Min-kuo Wan Sui” [Việt tuß Đß Hán Dân Quốc] để cßng lên để số ng phß Trßng Sa ngày 22/10/1911, và như phßn ußt khi để cßng mßt bài viết về việc “mßt” các cho họ u Miền Đßng, Xiêm, Annam vào tay Bßch quß. (64)

Ba năm sau, trong cuộc Cách mạng Trung Quốc và Đßng Cộng Sản Trung Quốc, Mao Nhußn Chi cũng lập lại luận điểm trên. (65)

Tß năm 1949, sau khi chiếm được Hoa lục bằng hàng súng, Mao Nhußn Chi và cộng số viên không ngừng tìm cách mở rộng biên cương, xâm chiếm đất và bị nên có nhiểu tài nguyên thiên nhiên và đất đai tìm cho di dân. Tibet bị xâm chiếm hay “incorporated” [vào bên để năm 1950-1951]. Tháng 9/1950, hàng trăm ngàn chí nguyện quân Trung Cộng tràn vào Triều Tiên, giúp cho Cộng Sản chống lại “đß quß,” nhiểu thực chất là bộ oß của ngß chißn lập của Đông Bßc. Nhiểu cuộc chißn tranh biên giới với India (1959-1962) và Nga (1969, đòi 1.5 triểu cây số vuông lãnh thổ). Nhiểu tài ác điểm chống Tibet, Mongol, Manchuria và miền tây nam Trung Hoa.

Đông Nam Á là vùng đất lý tưởng còn lại mà Mao và thußc họ muốn đất vào bên để Đß Hán–mßt thực sheng cun keng jian [vùng trß sinh tồn = survival space]. Tß cuối năm 1949, Lưu Thiểu Kß đã cho thực cho Bí thư Vân Nam Song Renqiong [Tổng Nhißm Củng] về số mở nhß giúp để các phong trào “cách mạng,” “giß phóng” tại Đông Nam Á. Hai thập niên sau, Bßc Kinh chú tâm tại vùng bị nên Đông, để cßng bị nên Nam Hải, kho tài nguyên thiên nhiên trß giá của lập nên tới 1 trillion [mßt triểu uß] Mỹ Kim. Sách giáo khoa bßc tiểu và trung học, và rß Bß Ngoạiß Giao Bßc Kinh in nhiểu bên để, theo đó ranh giới phía Nam của đß quß Hán trß dài tới Indonesia. Ngay ngß và cuộc ngß oß họ nên khi nhiểu người bên để biên cương trên có nhiểu để để dßu cho.

Chuyến đi Campuchia năm 1950, bị thực, có thể là một chißn thực ngoạiß giao “vĩ đại” của Hồ và Đßng CSVN. Họ và các thußc họ có lý do để đi để như là Mao và Đßng CSTH. Nhiểu nhiểu người Việt Nam chân thành yêu nước và hißu rõ tham vọng bành trßng xâm lược của giới cầm đầu Bßc Kinh, khó thực hiện. Nhiểu người xâm chiếm đất đai, lãnh họ Việt tại đây không xa gì với nhiểu người quan tâm đến lịch số quan hệ hai nước. Việc xây dựng nhiểu để pß thực đißn trong lãnh thổ Hoa Nam–khißn lập nhiểu và đe dọa môi sinh năm nước Đông Nam Á mà Y sĩ Ngô Thọ Vinh báo để cuối thực kỷ XX–tham vọng chißm đoạt cho quyền lãnh họ và lãnh thổ Việt theo Luật Kế hoạch–nhiểu thực để nßn tràn ngập thực trßng Việt với nhiểu món hàng “nhß” và vật liệu nhißm để khißn không thể không nghĩ tới thực chất số nßu của quan hệ giới là lßng giới người họ nghĩ, hợp tác toàn diện, “mß sáu cho vàng.” Tinh thần QTCS để để mà Karl Marx hoang tưởng hißn nhiên không thực với để cßng nhiểu người để giới là an ninh quốc gia, quyền lợi an ninh, hay tham vọng chißm đoạt tài nguyên thiên nhiên, hay tiêu diệt lân bang để dân giàu nước mạnh.

Vì vì c này, có th i gian c quan tuyên truy n Hà N i cho r ng B c Kinh đã ph n b i, liên k t v i Pháp, đ t quy n i B c Kinh và Pháp trên quy n i Đ ng LĐVN. (66)

Trong giai đ o n 1959-1975, dù có nh ng khó khăn t m n trong quan h Vi t-Hoa, s ti p tr c a QTCS đã giúp Đ ng CSVN [LĐVN] đ t đ c m c tiêu t i h u là thôn tính toàn lãnh th , thi t l p m t ch đ đ c tài ch a h có trong l ch s –đó là “kinh t th tr ng,” “t t ng H Chí Minh,” “đ nh h ng xã h i ch ngh i.” S nh p c ng ch ngh i là Marxist-Lenism đ c Trung Hoa hoá l n th hai này s là gong cùm vô hình cho nhi u th h thanh thi u niên Vi t trong th k XXI.

CHÚ THÍCH:

1. Võ Nguyên Giáp, *Đi n Biên Ph [ĐBP]* (Hà N i: NXBQĐND, 2001), tr. 14-17 [Stalin ch th Mao giúp t ch c 10 đ i đoàn, HCM m i Tr n Canh qua giúp], 32-34 [đoàn CSQS/TC], 39-42 [Tr n Canh], 45–50 [Đông Khê], 51-85 [Th t Khê, C c Xá], 92-95 [Tr n Canh], 102-103 [vi n tr TC năm 1950], 128 [20% nhu c u năm 1950]; Idem., *Chi n đ u trong vòng vây [CĐTVV]*, (Hà N i: NXBQĐND, 2001); Idem., *Đ ng t i Đi n Biên Ph [ĐTĐBP]* (Hà N i: NXBQĐND, 2001); William S. Turley, “The Military Construction of Socialism: Post-war Role of the People’s Army of Vietnam;” David G. Marr & Christine P. White (eds), *Postwar Vietnam: Dilemmas in Socialist Development* (Ithaca: SEAP, 1988), pp. 195-210;
2. Vũ Ngọc Chiêu, “Nhìn L i Hoàng Sa;” *H p L u* (12/2009); *Vi t Nam Th i Báo*, San Jose, s 5198, Th T , Th Năm, 25, 26/11/2009; Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars, 1950-1975* (Chapel Hill: North Carolina Press, 2000),
3. Centre des Archives d’Outre-Mer [CAOM] (Aix en Provence), Affaires Politiques [AP], carton 3441, d. 4; và, Service historique de l’Armée de Terre [SHAT] (Vincennes), 10H xxx [287]. [s d n: Bonfils’ report of 23 Sept 1948]. Nh ng tài li u ghi chú “xxx” là t li u ch a gi i m t ho c đ c yêu c n không b ch hoá.
4. Báo cáo ngày 21/12/1946, Massimi, H i Phòng, g i y viên B c K [Sainteny]; báo cáo ngày 20/12/1946 & 30/12/1946 c a Yolle; CAOM (Aix), HCFI, Conseiller Politique [CP], carton 255; Amiral Thierry D’Argenlieu, *Chronique d’Indochine, 1945-1947* (Paris: 1985), tr. 385-92.
5. “La France reconnaît solennement l’indépendance du Vietnam auquel il appartient de réaliser librement son unité. De son côté, le Vietnam proclame son adhésion à l’Union Française en qualité d’Etat associé à la France. L’indépendance du Vietnam n’a d’autres limites que celles que lui impose son appartenance à l’Union Française;” *Công Báo Vi t Nam [CBVN]*, 1:2 [18/6/48]:18; CAOM (Aix), GGI [Amiraux], 50062; Foreign Relations of the United States [FRUS], 1948, VI:25.

Ngoài ra, 2/ *Vi t Nam b o đ m tôn tr ng nh ng quy n i c a công dân Pháp, tôn tr ng các nguyên t c dân ch , và dành u tiên cho các c v n và chuyên viên k thu t Pháp trong vi c t ch c n i b cùng kinh t ;*

3/ sau khi thi t l p m t chính ph lâm th i, các đ i di n Vi t Nam và Pháp s ký k t nh ng th a

...c vá văn hoá, chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính và kế hoạch.

Ngoài Tuyên Ngôn Chung nói trên, còn có một phần bổn một, với nội dung tổng thể như một phần trong buổi họp ngày 7/12/1947 (FRUS, 1948, VI:25).

Báo Đái, Nguyán Văn Xuân và Bollaert cũng ra ba tuyên cáo riêng lập lập như ng đáu căn bản trên.

6. Báo An: Bác, 3,200; Trung, 8,526; Nam, 8,600. Các tiểu đoàn báo an (bataillon de garde) quân sự thay đổi. Tiểu đoàn Nam, lực lượng Báo An có một đơn vị Nháy Dù và 1 trung đội (groupe d'escadrilles) sông (24 LCVP). Phần lực lượng: Bác, 7,700; Trung, 3,500; Nam: 17,764. Phần lực lượng (supplátif): các đơn vị như với ít súng nặng và tiểu đoàn. (CP 208). Như ng đán vá khác có: Lính súng tiểu (khoảng 8,000 người); Lính chính trị hay tôn giáo (khoảng 35,000); Lính chuyên môn như báo vệ đường xe lửa, v.v. v... CAOM (Aix), HCIF, Conseiller Politique [CP] 208; FRUS, 1951, VI:536; (SHAT (Vincennes), 10H xxx [243]).

7. FRUS, 1950, VI:909-10. [25/10/1950, DC, 19G00: Acheson đián cho Heath với việc thành lập QĐGVN. Theo Pháp, có thể đưa các lực lượng giáo phái vào, tổng số khoảng 75,000 người. Qua như ng cuộc nói chuyện với Thác, [Giám mục] Chi và Diám, cũng có thể biến lực lượng Ki-tô Giáo thành một phần quân đội (FRUS, 1950, VI:909-10)].

8. CAOM (Aix), PA 19, Carton 4/68; HCIF, Conseiller Politique [CP], carton 290; AAN, 1949: 1545-6, 1590, col1; JORF, [25-26/4/1949]:4147; FRUS, 1949, VII:10-11. Thông tin Việt Nam Liên Hiệp Pháp thành lập qua Nghị định ngày 24/4/1949. (JORF, [25-26/4/1949]:4147).

9. Bản dịch tiếng Má trong FRUS, 1947, VI:75. [Xem 28/2/1947]

10. FRUS, 1947, VI:87. Đơn vị chính thức của VNDCCH là Trần Văn Giàu.

11. CAOM (Aix), INF, Carton 138-139/1245. Theo tài liệu của MTQGTNTQ tiểu đoàn Nam, đơn ngày 5/5/1947, Một phần này họp Hội nghị ngày 30/3/1947 ở Nam Kinh, và ra tuyên ngôn ngày 31/3/1947; SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [4201]. Với theo tài liệu này, các đơn vị đơn của Một phần có Ngô Gia Trí, Báo Sơn, Lưu Bá Đường, Trần Thêm, Trần Như Ngáu v.v. v...).

12. Lê Văn Hiến, Nhật ký một buổi họp, 2 tập (Đá Nẵng: NXB Đá Nẵng, 2004), II:60 [24-27/4/1949: Tuyên Quang: Tiểu phần Hội nghị HáCKC toàn quốc. HCM kết thúc Báo Đái là phần quốc; giao cho tòa án quân sự xét xử. 27/4/1949, HCM tuyên bố xử tử Báo Đái.]

13. Haut Commissariat de France pour l'Indochine [HCIF], Affaires Politiques [AP], Note No. 1687 CP/1, Saigon le 23 Sept 1948, "Les Communistes chinois et le Viet Minh (du Septembre 1945 à Septembre 1948) [par Charles Bonfils], tr. 3; SHAT (Vincennes), 10H xxx [287]. [Số dẫn: Bonfils' report of 23 Sept 1948]. Tiểu phần chỉ tiểu phần hoạt động của Trung Cộng trong nội địa Đông Đáng đáu đưa ra trên báo cáo này. Chúng tôi chỉ ghi chú như ng tiểu phần khác khi cần thiết.

14. "Le Parti communiste chinois en Indochine du Nord;" CAOM (Aix), Affaires Politiques [AP], carton 3441, d. 4; (CAL, 2008:55-56)

15. Tháng 3/1920, sau khi nhân viên ngoại giao Nga tại Beijing giúp đỡ di chuyển của Comintern Grigorij Voitinskij tiếp xúc Chen Duxiu [Chen Tu-hsiu = Trần Đảc Tú] và Li Dazhao [Li Ta-chiao = Lý Đả Chiêu], hai người này lập ra Hội Nghiên Cứu Mã Khảc Tả [Society for the Study of Marxist Theory] tại Beijing, và rồi hội nhân Đảng CS tại Shanghai vào tháng 5/1920, và Beijing tháng 9/1920; Stuart Schram, Mao Tse tung (NY: Penguin Books, 1966, 1977), tr. 62-63.

16. Các chi tiết tháng 9/1946; diễn trong “Notice technique de contre-espionnage: Extrême-Orient, Les services spéciaux sovietiques en Extrême-Orient” (20 May 1947); Annex II,” p. 12; CAOM [Aix], INF, c. 138-139, d. 1245. Ban Phảng Đông QTCS gồm 3 Dalburo tại Chita (Tây TH), Vladivostok (Thái Bình Dương) và Thảng Hội (Ban Phảng Nam).

17. Mục tiêu chính của chiến mùa Thu nhằm cắt đứt các tiếp vận tại Hoa Nam, giết hại hoặc bắt sống lãnh đạo chính quyền Việt Minh, và tiêu diệt quân đội Việt Minh. Báo cáo ngày 24/1/1948 của Lãnh sự Edwin C. Rendall; diễn trong Ronald H. Spector, United States Army in Vietnam, Advice and Support: The Early Years, 1941-1960 (Washington, DC: CMH-USArmy, 1983), tr. 89. Mục tiêu giai đoạn hành quân mà phạm vi [scope] và quân số vượt xa bất cứ cuộc hành quân nào trước đó kể từ ngày [Francis] Garnier chiếm châu thổ sông Hồng năm 1874. Ngày 27/1/1948, Thiếu tá HQ William T. Hunter, Tùy viên quân sự Bangkok, dự đoán Pháp không còn khả năng đương đầu với cuộc hành quân với mục đích tấn công vì vũ khí và trang bị hạn chế. Tình thế chiến đấu cũng xu hướng thấp. Sự thay thế bổ sung cho các đơn vị Dù, bộ binh và kỵ binh, hầu như bắt buộc trong hoàn cảnh hiện tại. Từ đầu năm 1948, việc lưu thông giữa Lào Cai và Cao Bằng của VM hầu như như trở lại mức bình thường. (CĐ ngày 9/2/1948, AmConsul, Hanoi, gửi BNG; diễn trong Spector, 1983:90) Ngày 19/4/1948, Tùy viên HQ Mỹ tại Bangkok báo cáo rằng tình hình quân sự ngày thêm xấu đi. (Spector, 1983: 90)

18. Bonfils’ report of 23 Sept 1948, p. 4; Lê Văn Hiến, Nhật ký, I:393 (Lý Ban, phụ trách Hoa vận); I:570-571 (công tác đội Hoa Kỳ ở Bắc Thi, do mặt trận Đảng chỉ phụ trách); Vũ Đình Hoè, Hồi ký Vũ Đình Hoè (Hà Nội: Hội Nhà Văn, 2004), tr. 838. Tài liệu TC ghi nhận Lý Ban có hai cộng tác viên đặc biệt là Văn Trang, tức Thả Thả Hiến (1942-?), cùng với là Diảp Tinh hay Đảng Nguyễn Tinh. Văn Trang, cựu chủ tịch SV Văn Nam, cùng với qua Việt Bắc từ năm 1947. Họ có tiếp xúc với Lào Cai. Sau đó xu hướng Phú Thọ, hợp tác với Lý Ban. 1948, gửi HCM. 2/4/1954, theo phái đoàn VM gồm 30 người tại BK, chuyển bộ qua Nga đến Hội nghị Geneva. (CAL, 2008:45)

19. Lê Văn Hiến, Nhật ký, 2004, I:41, 42, 83, 154-155, 236, II:40-41 (quân CSTH tại Hà Giang-Lào Cai, 8/3/1949; tiếp tế 50 tấn muối, in 5 triệu tiền CSTH để tiêu dùng trong vùng giải phóng). John T. McAlister, Jr., “Mountain Minorities and the Viet Minh: A Key to the Indochina War,” trong Peter Kunstadler (ed), Southeast Asian Tribes, Minorities and Nations (Princeton: Univ Press, 1967), pp. 821-822.

20. “La vérité sur les relations sino-vietnamiennes,” La Chine et le Monde [“Sự thật về quan hệ Trung Hoa-Việt Nam,” trong Trung Hoa và Thế Giới] (Beijing: Beijing Information, 1982), tr. 108 [102-141]; Hoàng Văn Hoan, Sự thật về tình hình hậu chiến chính quyền Việt-Trung không thể xuyên tạc (Bảc Kinh: 11/1979), tr. 26. Xem thêm Qiang Zhai, China & The Vietnam Wars, 1950-1975 (Chapel Hill: Univ. of North Carolina Press, 2000), tr. 11-12, 23 [ngày 13/1/1950, Thiếu tá Kả còn nhắc đến việc này]; Võ Nguyên Giáp, Chiến đấu trong vòng vây [CĐTVV], 2001:230-231,

234-235, 294-295.

21. Thi Sĩ, 2/5/1949; Giáp, CĐTVV, 2001:295-296. Mông và Đi u sau này gi c s tr ng và chính y Đ i đoàn 316 t 1951 t i tr n Đ i n Biên Ph ; C u Qu c, 12/12/1949; 10H xxx [641]

22. Lê Văn Hi n, 2004, I:328-329, 346-347, 349. Đ m H ng t ng n sông G m, ch ch phía B c s i Chiêm Hóa (cách Tuyên Quang 66 cây s). Đây là n i đ ng gòn ch qu ng m B n Ti [Thi] ra. Đi thêm phía B c 15 km là Đài Th , r i Na Hang (cách Tuyên Quang 106 km).

23. Lê Văn Hi n, 2004, I:393, (Lý Ban, ph trách Hoa v n) 570-571. (công tác đ i Hoa Ki u B n Thi, do m t n đ ng chí ph trách) Lý Ban[I:379, 400-401 (Lê Toàn Trung b b t); I:393 (Lý Ban, ph trách Hoa v n); I:461 (SL Ngân hàng Qu c Gia); I:536 (Ch Hai Sóc trong ATK Tuyên Quang, 21/5/1948); I:559-560 (Ph m Ng c Th ch t i ATK, 11/6/1948); I:570-571 (công tác đ i Hoa Ki u B n Thi, do m t n đ ng chí ph trách); I:597-603 (H i ngh cán b TW, 6-12/8/148); I:627-629 (đ ng ch m T pháp-HCKC); I:644-645 (PNTh ch và Lê Đ c Th vào Nam, 16/9/1948); I:708, 710, II:36 (Tr n Văn Giàu i Xiêm v); II:11, 96 (Vi Văn Đ nh, v có thai);

24. Lê Văn Hi n, 2004, II:203 [Ngày 26/11/1949, HCM thông báo Th ng v TWĐ là nh n đ c công đ i n c a Mao tr i và chúc m ng, đ ng th i chúc cu c kháng chi n c a VN th ng l i], II:212 [26/12/1949: HCM quy t đ nh g i phái đoàn ph n ra ngo i qu c]. Có i Ban và Th y tháp tùng phái đoàn này, nh thông đ ch viên, và đ c g p Luo Guibo vào tháng 1/1950; Tr ng Qu ng Hoa, “C v n quân s ,” LQB, 2008:217; trong La Quý Ba et al., Ghi chép v vi c đoàn c v n Quân s Trung Qu c vi n tr Vi t Nam ch ng Pháp (B c Kinh: 2002), b n đ ch ti ng Vi t Tr n H u Nghĩa và D ng Danh Dy (tài li u n i b); Luo Guibo, “Lishi dehuigu: Zhongguo yuan Yue kangFa yu ZhongYue liangdang liangguo jishi” [Recalling History: A Factual Account of China’s Assistance to Vietnam against the French and Relations between the Two Parties and Two Countries of China and Vietnam], trong Fu Hao & Li Tongcheng (eds), Zhongguo waijiaoguan congshu: Kaiqi guomen–Waijiaoguan de fengcai [Chinese Diplomats Series: Opening the Gate of the Country–the Glory of Diplomats] (Beijing: 1995), tr. 152-153 [150-176]; đ n trong Zhai, 2000:13, 15.

25. Vũ Đình Hoè, 2004:911-916, 926. [1948: Nguy n Văn Huyền xin t ch c, nh ng HCM không ch p thu n. Vũ Đình Hoè cũng xin t ch c vì ch tr ng “h ng h n chuyên” c a ch đ . Huyền t ng Hoè cu n Le chemin des tourments [Con đ ng kh i] c a Alexis Tolstoi, nói v thân ph n trí th c trong ch đ CS. [916] Theo Hoè, Phó Th t ng Ph m Văn Đ ng cũng tr thành “m t chân nh n,” th ng tuyên b “Nào tôi có bi t gì đâu? Tôi có quy n gì đâu? Quy t đ nh là t đâu y ch !” (Hoè, 2004:926) “Đ ng đoàn” h u nh lo m i vi c. (Hoè, 2004:926) Năm 2004-2005, Th t ng Phan Văn Kh i cũng tuyên b t ng t ! (Hoè, 2004:900-901, 911-916). “H ng h n chuyên.” (Hoè, 2004:899-905). “Các quy n dân s ch đ c hành x và b o v n u phù h p v i quy n i nh n dân.” Tr n Công T ng, Th t ng T Pháp, còn mu n h y b c vai trò Lu t s thay b ng “bào ch a viên nh n dân.” (Hoè, 2004:904-905). Mùa Thu năm 1950, t i l t B tr ng T Pháp Vũ Đình Hoè đ i di n H i Vi t-Hoa h u ngh (thành l p tháng 2/1950) tham gia m t phái đoàn “ph ng Hoa”– do Tôn Đ c Th ng c m đ u–đi thăm Trung Hoa, v n đ ng c m tình c a dân chúng qua nh ng màn trình di n v chi n th ng Đông Khê, v... v...

26. VKĐTT, 9:1948, 2001: 17-18; Lê Văn Hiản, 2004, I:381, 395, 494. Xem thêm Chính Đảo, Hả Chí Minh, I, 1997:247 (Phả bản báo Cảu Quảc tải miản Nam).
27. Chả thả ngày 18/3/1948; VKĐTT, 9:1948, 2001:64; Vản & Lâm, 1979:144.
28. Báo cáo cảa Lê Đảc Thả vả tình hình và nhiảm vả mải cảa Đảng;” VKĐTT, 9:1948, 2001:316-318 [276-320].
29. Schram, 1977:290-291. Hả, Phảm Hùng và Lê Duản tham dả Đải hải các Đảng CS & Mat-scả-va tả ngày 14 tải 16/11/1957. Tito không dả. (ND, 23/11/1957)
30. Tân Hoa Xã [NCNA], 19/11/1949; dản trong King Chen, Vietnam and China, 1969:218; Theo Chen, sau hải nghả QT này, có mảt hải nghả khác trong nải đảa VN; Ibid, 1969:229-230. Theo Lê Văn Hiản, Bả Tài chính lảy vàng chôn đảu tả năm 1946 đảng tải nải vàng “20 Viảt.” 50 đảng dành tảng phái đoàn ngoải quảc. [15/11/1949: Chản ngoải đả gảp phái đoàn ngoải quảc, II:195; 27-28/12/1949; II:221-2]
31. Document 17: Memorandum of Conversation, V.M. Molotov and A.Y Vyshinsky with Mao Zedong, Moscow, 17 Jan 1950 from the Diary of V.M. Molotov. Top Secret, AVP RF, f. 07, op. 23a, d. 234, pap. 18, ll. 1-7; provided by O.A. Westad; translation for CWIHP by Daniel Rozas.
32. Liu gải Hả, 28/12/1949; Liu Shaoqi nianpu, 1996, 2:236; dản trong Zhai 2000:13-15; Luo Guibo, “Lishi de huigu: Zhongguo yuan Yue kangFa yu ZhongYue liangdang liangguo jishi” [Recalling History: A Factual Account of China’s Assistance to Vietnam against the French and Relations between the Two Parties and Two Countries of China and Vietnam], trong Fu Hao & Li Tongcheng (eds), Zhongguo waijiaoguan congshu: Kaiqi guomen–Waijiaoguan de fengcai [Chinese Diplomats Series: Opening the Gate of the Country–the Glory of Diplomats] (Beijing: 1995), tr. 152-153 [150-176];
33. Lê Văn Hiản, 2004, II: 207, 381; Liu nianpu, II:268 & CĐ ngày 20/4 và 2/5/1951; Ibid., II:276; Zhai, 2000:35-36.
34. Lê Văn Hiản, 2004), I: 41, 56, 58 I:42, 82 [tả chảc cả quan mua hàng ngoải hoá gảm 1 tài chính, 1 kinh tả, 1 mảt trản hay UVKC đảa phảng (Cao Bảng), 94, 122 (Trung &ng);] I:45, 64, 81 [sả đảng ngoải Viảt Nam Mải (Nhảt), Bả tài chính 7 ngoải] I:83 [xuảt cảng gả (Cao Bảng)]; I:84, 97 [mả Tảnh Tảc (Pia Ouac, Cao Bảng): vàng cảm, wolfram, thiảc (Lê Toàn Trung và Lảu Quang Hoà phả trách khai mả vàng và thiảc); I:112 (Hoa thảng); I:119, 153 (kảm, galène, antimoine & mả Bản Thi) [nải đảt nhà in bảc]; I:236 (phái đoàn sang Tàu); I:331, 639-640 (Uranium). Năm 1947, có thả đải 1 khảu trung liên vải 500 viên đản bảng 4 cân Tây thuảc phiản; 1 khảu súng tả đảng [automatic rifle] vải 500 viên đản bảng 2.5 cân Tây thuảc phiản; John T. McAlister, Jr., “Mountain Minorities and the Viet Minh: A Key to the Indochina War;” trong Peter Kunstadler (ed), Southeast Asian Tribes, Minorities and Nations (Princeton: Univ Press, 1967), pp. 821-822.
35. “Rapport sur l’évolution de la situation politico-religieuse à Phat Diem (28 Février 1951);” SHAT (Vincennes), 10H xxx [1039] (chảa giải mảt); Quang Toàn & Nguyản Hoài, Nhảng hoảt

đồng công an nhân dân đồng đội là Thiên chúa giáo trong thời kỳ kháng chiến 1945-1954 (Hà Nội: NXB Khoa học, 1965), tr. 62.

36. Nguyễn Văn Tâm từ nhận chiếu hội Hòa Hợp. Bình Xuyên công an Lê Văn “Bảy” Viên vào hàng sau khi chính phủ trung ương lâm thời công an Xuân thành lập năm 1948, được cử đi sứ đi u đồng công an Thủ hiến Nam Việt Trần Văn Hưu.

37. Renmin ribao [Nhân Dân Nhật Báo = People's Daily, the CCP Central Committee's official mouthpiece] (Beijing), 19/1/1950. [Source: JGYLMZDWG, 1:238; translation from Shuguang Zhang and Jian Chen, eds., Chinese Communist Foreign Policy and the Cold War in Asia, 138.]

38. Liu gia Văn phòng Nam TW Đồng CSTH, 26/1/1950, & Liu gia Mao, 30/1/1950, Liu nianpu, 2:241; dñ trong Zhai, 2000:16; Hoan, 1987:328-329, 330; Giáp, CĐTVV, 2001:347-348; Idem., Đồng đội đi Biên Phòng (Hà Nội: QĐND, 2001), tr. 13. [Trở lại Quê hương Hoa, “Quyết sách,” 2008:17-18] [30/1/1950: Idem., “Cố vấn QS,” trong La Quý Ba et al., Ghi chép về việc đoàn công viên Quân sự Trung Quốc về trong Việt Nam chiến Pháp (Bắc Kinh: 2002), bản dịch tiếng Việt Trần Hữu Nghĩa và Đồng đội Danh Duyệt (tài liệu nội bộ), 2008:218]

39. Document 24: Telegram, Mao Zedong and Zhou Enlai to Liu Shaoqi, 1 Feb 1950; JGYLMZDWG, 1:254; trans. from Shuguang Zhang and Jian Chen, eds., Chinese Communist Foreign Policy and the Cold War in Asia, 141-2; “Nghị quyết công an TVTW ngày 4/2/1950;” VKĐTT, 11:1950, 2001:222-4; “Chức vụ ngày 9/2/1950;” Ibid., 2001:225-8.

40. RC 495, Box 154, File 531, p. 42; RC 495, Box 184, File 54, p. 106 and 36, pp. 175; Tran Van Hung, 2000, 8:54; Anatoli A. Sokolov, Quốc tế Cộng sản và Việt Nam [Comintern and Viet-Nam], Đào Tuấn dịch tiếng Nga ngữ (Hanoi: NXBCTQG, 1999), tr. 160, 162-163; “Biographie de Ho Chi Minh;” CAOM (Aix), 19 PA, carton 4, d. 62;

41. János Radványi, Delusion and Reality: Gambit, Hoaxes, & Diplomatic One-Upmanship in Vietnam (South Bend, Indiana: Gateway, 1978), tr. 20 [Thời kỳ Hungary Ferenc Munnich: HCM was a lucky man to have survived Stalin’s blood purges, while Borodin and his friends were liquidated one by one].

42. SHAT (Vincennes), 10H xxx; “Notice .. Janvier 1940”, CAOM (Aix), 7F27.

43. Vu Ngu Chieu, “Social and Cultural Change in Vietnam Between 1940 and 1946;” Part II: “The End of An Era,” chapt. 9; unpublished Ph.D. dissertation, Dec 1984, University of Wisconsin-Madison, Xem thêm CAOM [Aix], HCFI, CP 192; Phùng Thời Tài, Bác Hồ những kỷ niệm không quên (Hà Nội: QĐND, 2002), tr. 32, 33-34, 57-63, 82-87; Lê Tùng Sơn, 1978:110-112 [Mặt trận 2 đợt, gần 80,000 truy cập đến công an Việt Minh xuống Hà Nội, Huế và Việt Bắc]; René Defourneaux, “Secret Encounter with Ho Chi Minh;” Look (NY), 8/9/1966, tr. 32-33; Robert Sharplen, The Lost Revolution (NY: Harper & Row, 1965), tr. 30; Báo cáo ngày 22/8/1945, William J. Donovan gia Byrnes; Bộ Quốc Phòng, US-Vietnam Relations, 1947-1967 (Washington, DC: GPO, 1971), Bk I, C 58-59, 67; The Pentagon Papers (Gravel), vol. I, pp. 17, 20, 50, 51; Lê Giản, “The Story of An Exile;” Vietnam Courier, 1980:17-20; US Congress. Senate. Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War. Hearings before the Committee on

Foreign Relations, 92nd Congress, 2nd Session, May 1972 (Washington: GPO, 1973), tr. 249; Charles Fenn, Ho Chi Minh: A Biographical Introduction (New York: 1973), 71-75, 76-7, 78, 81; Archimedes L. Patti, Why Viet-Nam? Prelude to America's Albatros (Berkeley, Cal.: Univ of California Press, 1980), tr. 29-30, 31, 46, 50, 51; S. Tonnesson, Vietnamese Revolution, 238, 337 (quoted USNA ngày 19/3/1945); Chính Đ o, H Chí Minh: Con ng i & huy n tho i (Houston: Văn Hóa, 1993,1997), II, 1993:356; David G. Marr, Vietnam 1945: The Quest for Power (Berkeley, Cal.: Univ. of California Press, 1995), tr. 227-229, 241, 282-285, 288-291, 304n33, 476-479, 482-490, 498-501, 538-539; Raymond P. Girard, "City Man Helped to Train Guerillas of Ho Chi Minh," Evening Gazette (Worcester, MA), 14 & 15/5/1968; d n trong Marr, 1995:209n189;

44. Theo Tài li u Ngũ Giác Đài, HCM g i cho Stalin hai lá th vào tháng 2/1946, và B Ngo i Giao VN cũng g i cho Nga Xô, cùng ba c ng qu c Bri-tên, Nga và Trung Hoa, m t tài li u khác gi i thi u thành tích c a chính ph VNDCCCH; "Note to the Government of China, United States of America, Union of Socialist Sovietic Republic, and Great Britain," US-Vietnam Relations, 1945-1967, Bk I, C-98-99, & Cable, from Landon for Moffat and Culbertson, no date [received on February 27, 1946]: HCM handed Landon two letters addressed to Truman, Cheng K'ai-sheik, Stalin và Attlee, yêu c u y m tr tinh th n đ c i p c a VN, theo ki u m u Philippines. Ibid. [US-Vietnam, 1945-1967], I, C-101. Gi a tháng 9 và tháng 10/1945, theo Igor Bukharkin, (conference 1996) H g i cho Stalin hai công đ i n xin vi n tr , nh ng không có h i âm. (Zhai, 2000:13)

45. Amiral Thierry d'Argenlieu, Chronique d'Indochine, 1945-1947 (Paris: Albin Michel, 1985), tr. 168. [431-432: t tháng 11/1945, HCM ch ng t s b t an và tr nên bi t đ i u [compréhensif] h n. H ch ng l i Tàu]. [S d n: Chronique]; Zhai, 2000:13;

46. Vu Ngu Chieu, "Social and Cultural Change in Vietnam Between 1940 and 1946," Part III: "Brutality of World Politics," chap. 11; unpublished Ph.D. dissertation, Dec 1984, University of Wisconsin-Madison,

47. France, Annales de l'Assemblée nationale [AAN] (Paris), 1947, p. 856, col 2; Fall, 1965:196 [March 14-18, 1947: Robert Schumann, MRP, moderate Catholic; Ramadier, Socialist]

48. János Radványi, Delusion and Reality: Gambit, Hoaxes, & Diplomatic One-Upmanship in Vietnam (South Bend, Indiana: Gateway, 1978), tr. 4-5,269n1. [Mùa Thu 1950, Thorez tuyên b i Tòa Đ i s Hungary r ng Stalin không tin t ng H , vì H h p tác quá l li u v i tình báo Bri-tên và OSS M , gi i tán Đ ng CSĐĐ, không tham kh o ý ki n Stalin. Đ i bi n Hungary t i Paris, Zoltán Szánto, ng i t ng ho t đ ng v i Comintern, tán đ ng nh n xét c a Thorez [Szanto thought that Thorez's summation of Stalin's attitudes and politics on Vietnam was entirely accurate]. [5] Năm 1952, Pierre Courtade, ch biên L'Humanité, g i H là Tito c a Vi n Đông [editor of L'Humanité, described HCM as a nationalist Communist—the Tito of the Far East]. Ibid., 1978:20. Năm 1959, Vyacheslav M. Molotov cho r ng c HCM và Ph m Văn Đ ng là nh ng ng i c ng đ u, ch quan tâm đ n Vi t Nam, không lo cho Qu c t C ng S n [Both HCM and Pham Van Dong were stubborn men, interested only on Vietnam, not international movement. (1978:20) T đ u th p niên 1930, nhóm Tr n Phú-Hà Huy T p đã đ a ra l p lu n này.

49. FRUS, 1949, VII:67; L. Podkopayev, "Viet-Nam Fights for Independence," New Times [Tân Thời Báo], số 16 (13/4/1949), tr. 11-13.

50. Nikita S. Khrushchev, Khrushchev Remembers, trans. and ed. by Strobe Talbott (Boston: 1970), tr. 482; Idem., Khrushchev Remembers: The Gleaned Tapes (Boston: Little & Brown, 1990), tr. 154-156; Ilya V. Gaiduk, The Soviet Union and the Vietnam War (Chicago: I. R. Dee, 1996); Idem., Confronting Vietnam: The Soviet Policy toward the Indochinese Conflict, 1954-1963 (Washington, DC: Woodrow Wilson Center Press, 2003); Zhai, 2000:226-227n34. [According to Khrushchev, Stalin was indifferent to Ho in Moscow].

51. Hoan, 1987:330; Radványi, 1978:4-5, 20, 269n1; Träng Quäng Hoa, "Quyät sách," trong La Quý Ba et al., Ghi chép về việc đoàn công quân sự Trung Quốc vào Việt Nam chống Pháp (Bả Kinh: 2002), bản dịch tiếng Việt Trän Häu Nghĩa và Däng Danh Dä (tài liệu nội bộ), 2008:19-20; Idem., "Cä việc QS," LQB, 2008:218] [Tháng 3/1953, đúng ngày Stalin chết, HCM tiễn biệt với Vi Quäc Thanh lịch đến dò công "Ngängäi," vào tháng 11/1952, là không thể đứng giữa một đống gánh, hoặc đứng về phía quân chúng, hoặc nhäp phe phong kiến. (Vu Hoá Thäm [Viäng Chän Hoa], "Vi Quäc Thanh," LQB, 2008:59) Có lẽ vì thế từ tháng 1/1953, Hội nghị TW lần 4, khóa II, đã quyết định quyät CCRĐ & chỉnh huấn chính trị QĐNDVN].

52. Zhai, 2000:16-17; Giáp, CĐTVV, 2001:331. Theo một tài liệu truyền khẩu TC, Stalin nói cách nào để giải thích về sự có mặt của Hồ tại Mat-scä-va để ký hiệp ước, Hồ nói đùa nói chuyện: Stalin có thể cho Hồ lên phi công, bay vòng quanh Mat-scä-va, rồi tiếp công đón rước, v.. v.. Träng Quäng Hoa, "Quyät sách," trong La Quý Ba et al., Ghi chép về việc đoàn công quân sự Trung Quốc vào Việt Nam chống Pháp (Bả Kinh: 2002), bản dịch tiếng Việt Trän Häu Nghĩa và Däng Danh Dä (tài liệu nội bộ), 2008:21.

53. Chen Jian, "China and the First Indo-China War, 1950-1954," The China Quarterly 132 (March 1993), p. 93 [85-110]; Träng Quäng Hoa, "Cä việc QS," trong La Quý Ba et al., Ghi chép về việc đoàn công quân sự Trung Quốc vào Việt Nam chống Pháp (Bả Kinh: 2002), bản dịch tiếng Việt Trän Häu Nghĩa và Däng Danh Dä (tài liệu nội bộ), 2008:218. Xem thêm Võ Nguyên Giáp, Đäng tại Đän Biên Phủ (Hà Nội: NXBQĐND, 2001), tr. 14. Giáp, CĐTVV, 2001:350-351]

54. Zhou giới Hồ, 7/7/1950, Zhou nianpu, 1:53; Zhai 2000: 15, 17-18, 19; Hoan, 1987:325ff.; Hän, 2004:II:380-1; La Quý Ba et al., Ghi chép về việc đoàn công quân sự TQ Việt Nam chống Pháp (Bả Kinh: Nghiên Cứu Lịch Sử Đäng, 2002), LQB, 2002:5-6) Nguyên bản đăng trong Täng Nhä Mao Träch Đông [Lưu Thiäu Kä?] (1993)

[Luo Guibo, "Shaoqi tongzhi paiwo chushi Yuenan" [Comrade Shaoqi sent me to Viet Nam], in He Jingxiu et al. (ed), Mian huai Liu Shaoqi [Recalling Liu Shaoqi] (Beijing: 1988), tr. 235; Idem., 1995: 152-153 [150-176]; dẫn trong Qiang Zhai, 2000:15. Luo Guibo, "Lishi de huigu: Zhongguo yuan Yue kangFa yu ZhongYue liangdang liangguo jishi" [Recalling History: A Factual Account of China's Assistance to Vietnam against the French and Relations between the Two Parties and Two Countries of China and Vietnam], trong Fu Hao & Li Tongcheng (eds), Zhongguo waijiaoguan congshu: Kaiqi guomen-Waijiaoguan de fengcai [Chinese Diplomats Series: Opening the Gate of the Country-the Glory of Diplomats] (Beijing: 1995), tr. 152-153 [150-176]];

55. Igor Bukharkin, "Moscow and Ho Chi Minh, 1945-1969," 1996:3-7.

56. Hiản, 2004, II:340. 341, 444. 28/6/1950: HCM muản lên chảc Tảng Tảnh, Võ Nguyên Giáp xuảng làm Phó Tảng Tảnh kiêm Tảng Tham Mảu Trảng, Nguyản Chí Thanh, Chảnh TC/CT. Trản Đảng Ninh, Chảnh TC/Hảu Cản. (Thông tri ngày 28/6/1950; VKảTT, 11, 2001:346-347) 10/7/1950 HCM tảm hoản kiêm chảc TTL/Qả. Võ Nguyên Giáp tảp tảc làm TTL. [VKảTT, 11, 2001:380-381] 9/7/1950: Hả Tảng Mảu, Thanh tra chính phả, báo cáo vả tình trảng thiảu thảc ăn cho bả đải; vả viảc thi hành luảt Tảng đảng viên: thi hành, không giải thích. (Hiản, II, 2004:340) 10/7/1950: HCM bả mảc HảĐCP. Cho iảnh "quản sả hảa" các cả quan. (Hiản, 2004, II:341) Vả Viảt Nam, Mao đảa ra nhảng giải pháp: Quản sả, giải phóng Trung du và các miản quan hả vả sản xuảt. Tăng gia sản xuảt và bảt 2% sả ngải không sản xuảt. TC giúp nuôi mảt sả ngải (quản nhản, cán bả, thiảu sinh). (Hiản, 2004, II:444)

57. Nhân Dân [ND], 11/3/1951; đản trong Hoàng Văn Hoan, Giảt nảc trong bả cả (Bảc Kinh: 1987), tr. 357-8.

58. Ibid., 1987:369; [1982:35]; Qiang Zhai, China and the Vietnam Wars, 1950-1975 (Chapel Hill: North Carolina Press, 2000), tr.18-42.

59. Văn Kiản Đảng Toàn Tảp [VKảTT], vol 12:1950 (Hà Nải: 2001), tr. 495.

60. "Đáp tả trong buải iả trình quảc thả cảa Đải sả Nảc Cảng Hòa Nhân Dân Trung Hoa;" Nhân Dân, sả 221 (4-6/9/1954); Hả Chí Minh Toàn Tảp [HCMTT], 7:1953-1955 (Hà Nải: NXBCTQG, 1996), tr. 343; Hoàng Văn Hoan, "Tuyản tảp Hả Chí Minh vải tên phản bải Lê Duản;" Tin Viảt Nam, sả 21 (Tháng 11/1982), tr. 10-11 [1-40].

61. Lê Tảc, An Nam Chí Lảc [ANCL], bản đảch Chen Ching Ho [Trản Kính Hòa] (Huả: Đải hảc Huả, 1961), q. 5, tr. 102-103 [101-103]. [Duy Nhảt Nam toải nhi chi bang, hình phảc nhi tâm do vả hảa, tuy nhảm thả tu phảng chi cảng, bảt khuyảt nhi vả tản kả thành, vản tải hảng sả, cả đải bang chi chính lý. Tảng phong ti nhuả, diảc tiảu quảc nhi ti tình. [101]

KảVSTGCM ghi là Tháng 10 Tân Mão [24/10-21/11/1291]. CM VIII:17; 1998, I:544. ĐVSKTT không ghi tháng, chả nói sả Nguyên muản thuyảt phảc Nhân Tông vào chảu. Năm sau, sai Nguyản Đải Phảp sang cáo tả là đang có tang. (ĐVSKTT, Bản kả, V, 1967, II:68). [Nguyên Vũ Vũ Ngả Chiêu, "Đảt đải Viảt Nam bả Trung Hoa Nhân Dân Cảng Hòa Quảc xâm chiảm;" Hảp Lảu Magazine (Fountain Valley, CA), No. 105 (5-6/2009), tr. 5-32]

62. Tin Viảt Nam, sả 41 (Tháng 7/1984), tr. 17. Xem thêm Hoàng Văn Hoan, Giảt Nảc Trong Bản Cả (Bảc Kinh: 1987); Tin Viảt Nam; Hoàng Văn Hoan, "Tuyản tảp Hả Chí Minh vải tên phản bải Lê Duản;" Tin Viảt Nam, sả 21 (Tháng 11/1982), tr. 1-40.

63. Kissinger, 1979:1064.

64. Edgar Snow, Red Star Over China, 119; đản trong Stuart Schram, Mao Tse tung (NY: Penguin Books, 1966, 1977), tr. 23. Mao tôn sùng Sun Yatsen [Tôn Dảt Tiên], K'ang Yuwei [Khang Hảu Vi] và Liang Qichao [Liang Chải Chao = Lảng Khải Siêu], cùng tả chảc T'ung Meng

hui của Sun. Albert Sarraut, tân Toàn quyền Đông Dương, cũng từng đến các thành phố lớn khi thăm Đứi Hứ dài theo hành trình từ Paris tới Sài Gòn đảo nhứm nhứm sứ nhứ Singapore–biứu lứ qua viức cứt bứ mái tóc đuôi sam.

65. CHXHCNVN, Bộ Ngoại giao, Sở Thông tin Bang Giao Việt Trung (Hà Nội: 4/10/1979), tr. 11-12, 16-. [Sứ dứn: Sách Trứng]; Francois Joyaux, 1981:64. Nên ghi thêm là từ năm 1947, chính phủ Tứng Giứi Thứch cũng đã công bố bản đồ TH bao gồm nhứng dứu chứm ở miền Nam, chỉ ngày quân đứi TH đứn vào chế độ trứng.

66. Sách Trứng, 1979:99-100. Xem thêm, Nhân Dân (Hà Nội), 25/3/1984, 3-5/5/1984 (Hứi ký Nguyễn Thành Lê); Trứn Việt Dũng, “Lứi mứt tên bứi bút không biứt xứu hứ,” Việt Nam (Bức Kinh), số 41 (tháng 7/1984), tr. 10-15. Nguyễn Thành Lê cũng nêu lên vấn đề Chu Ân Lai mời Ngô Đình Luyện qua thăm Bức Kinh, và lập tòa lãnh sự ở Bức Kinh trong dứ tiức ngày 22/7/1954. Ngô Đình Luyện và Trứn Văn Đứ đưa xác nhận điứu này với tác giả năm 1985 tại Paris.